NHỊ TẤN

NHẠC TÀI TỬ NAM BỘ

Tập V

Trung Tâm Văn Hóa Quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử Quận 8
Năm 1997

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Nhạc Tài Tử Nam Bộ

TẬP 5

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Phần Chánh Biên

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

VIII – CÁC BẢN AI OÁN :

1 - TRƯỜNG TƯƠNG TƯ

(28 câu, nhịp tư lơi, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -		(- -)	Xế	(XANG)
		Xang Xế	(XẢNG)	Xảng Xê Là	(HÒ)
	2 -	Hò Phan	(LIU)	Lỉu Líu Liu	(PHAN)
		Phạn Phạn Liu	(LỈU)	Lỉu Lỉu Xế	(LIU)
	3 -		(- -)	Xang	(XỂ)
		Xê Xế	(XẢNG)	Xảng Xế Xư	(XANG)
	4 -	Xảng Xang Xề	(LIU)	Líu Xể Xê	(XANG)
		Xảng Xang Liu	(XÀNG)	Xề Là Xang	(- -)
	5 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Liu Phan	(XỀ)	Xề Xế Xáng	(LIU)
	6 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
		Xảng Xang Liu	(XÀNG)	Xề Là Xang	(- -)
	7 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Liu Xáng	(XỀ)	Tồn Xề Phan	(LIU)
	8 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Liu Xáng	(XỀ)	Tồn Xề Phan	(LIU)
	9 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Liu	(XỆ)	Liu Xàng Xừ	(LIU)
	10 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Liu	(- -)
		Liu Liu	(XỆ)	Liu Xàng Xừ	(LIU)
	11 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Xàng Xề	(LIU)	Lỉu Cống Xê	(XANG)
	12 -	Xảng Xang Liu	(XÀNG)	Xề Là Xang	(- -)
		Xang Xế	(XẢNG)	Xảng Xê Là	(HÒ)
Lớp II :	13 -		(- -)	Xế	(XANG)
		Xang Xế	(XẢNG)	Xảng Xê Là	(HÒ)
	14 -	Hò Phan	(LIU)	Lỉu Líu Liu	(PHAN)
		Phạn Phạn Liu	(LỈU)	Lỉu Lỉu Xế	(LIU)
	15 -		(- -)	Xang	(XỂ)
		Xê Xế	(XẢNG)	Xảng Xế Xư	(XANG)
	16 -	Xảng Xang Xề	(LIU)	Líu Xể Xê	(XANG)
		Xảng Xang Liu	(XÀNG)	Xề Là Xang	(- -)
	17 -	Xang Xể Xế	(XANG)	Xảng Xang Xư	(HÒ)
		Liu Liu Xệ	(- -)	Xàng Liu Xế Xáng	(LIU)
	18 -	Liu Xáng	(XÀNG)	Xàng Liu Liu	(XỆ)
		Liu Xệ Xệ Liu	(XÀNG)	Xàng Liu Xàng Xừ	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

VIII – CÁC BẢN AI OÁN :

TRƯỜNG TƯƠNG TƯ
Phu Phụ ly sầu

Soạn lời : Nguyễn Văn Thinh 1971

Lớp I :

1 - (- -) Ông (Tơ)
Sao ông trớ (trêu) se lơi mối chỉ (hồng)
2 - Bày cảnh đau (lòng) phôi pha vẻ (ngọc)
Khiến xui nảo (nồng) sầu (muộn)
3 - (- -) Thắt (thẻo)
Ngơ ngẩn năm (canh) ra vào thở (than)
4 - Những (luống) thổn thức xốn (xang)
Chạnh nỗi (niềm) tào khang (- -)
5 - (- -) Cách (ngăn)
Chức Nữ Ngưu (Lang) chia đôi giòng Tương (giang)
6 - Bắc Nam én (nhạn) lâm cảnh phũ (phàng)
Khắc lụn canh (tàn) mộng mơ nào an (- -)
7 - (- -) Thiết (tha)
Xót xa tủi (nghẹn) số phận mình long (đong)
8 - (- -) Suốt (canh)
Mày châu ủ (dột) mòn mỏi chờ (trông)
9 - Sanh ly chích bóng (- -) vắng vẻ cô phòng (- -)
Tưởng mơ hình (dạng) mịt mờ hư (không)
10 - Tư dung héo hắt (- -) xàu úa sắc hương (- -)
Trách than bĩ (vận) bận điều nhiễu (nhương)
11 - Tơ vương trăm mối (- -) vật vã canh tràng (- -)
Tâm tư bối (rối) vơ vẩn hoang (mang)
12 - Nhớ đến (chàng) thẫn thờ nào an (- -)
Lệ thảm chứa (chan) đôi giòng tuôn (tràn)

Lớp II :

13 - (- -) Căn (do)
Bởi đâu khiến (xui) chia rẽ giải (đồng)
14 - Vừa đượm hương (nồng) bỗng chồng xa (vợ)
Bèo mây trôi (dòng) sóng (động)
15 - (- -) Tưởng (nhớ)
Nghĩa cũ ơn (xưa) đẹp phận duyên (ưa)
16 - Từ (đây) cách trở Sâm (Thương)
Chẳng rõ (chàng) hà phương (- -)
17 - Vò vỏ canh (tràng) chốn cô phòng vật vã nào (an)
Ôi cam chịu (- -) nuốt thảm sầu (chan)
18 - Duyên kiếp lỡ (làng) dòng châu khó (cạn)
Lận đận cảnh én (nhạn) phải tím ruột bầm (gan)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	19 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	20 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	21 -	Xang Xế	(- -)	Xế Xàng	(- -)
		Lỉu Liu	(XỀ)	Xàng Xề Phan	(LIU)
	22 -	Liu Xề Phan Liu	(Ú)	Xáng Ú Liu	(PHAN)
		Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Phan	(LIU)
	23 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Liu	(- -)
		Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	24 -	Xảng Xang Liu	(XÀNG)	Xề Là Xang	(- -)
		Xang Xế	(XẢNG)	Xảng Xê Là	(HÒ)
<u>Lớp III</u> :	25 -	Lỉu Liu	(PHAN)	Phan Phan	(LỈU)
		Lỉu Liu Phan	(XỀ)	Xàng Xề Phan	(LIU)
	26 -	Lỉu Liu	(PHAN)	Phan Phan	(LỈU)
		Lỉu Liu Phan	(XỀ)	Xàng Xề Phan	(LIU)
	27 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Liu	(- -)
		Lỉu Liu	(XỆ)	Liu Xề Phan	(LIU)
	28 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

2 - VĂN THIÊN TƯỜNG

(42 câu, nhịp 8, song lang 6-8)

<u>Lớp I</u> :	1 -		(- -)	Tồn	(HÒ)
(Lớp đầu)		Xê Xang Xư	(XÀNG)	Liu Còng Xề	(XANG)
		Xang Xảng	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
		Líu Oán	(XÊ)	Xảng Xang Xư	(XANG)
	2 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Xê	(XANG)
		Xang Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
		Líu Oán	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(XƯ)
	3 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Xang Xư	(XANG)	<u>Xang Tồn Xư</u>	<u>(XANG)</u>
		Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
		Líu Oán	(XÊ)	Xảng Xang Tồn	(HÒ)
	4 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Tồn	(HÒ)
		Xế Xáng Xư	(XÀNG)	Xàng Xê	(- -)
		Xề Oan Liu	(- -)	Líu Tồn Xể Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

19 - (- -) (Đau)
Chi lắm đớn (đau) nên nhan sắc phải héo (xàu)
20 - (- -) (Xao)
Biển ái xôn (xao) cho sôi nổi sóng ba (đào)
21 - Nguyền vẹn giữ (- -) nghĩa đá vàng (- -)
Dẫu núi mòn sông (cạn) cũng nguyền bền (gan)
22 - Vái (van) cho an duyên (phận)
Hiệp đôi én (nhạn) lạc đàn gian (nan)
23 - Độ chim bạt gió (- -) diệu vợi quan san (- -)
Mặt biển chơn (mây) nổi trôi đôi (đàng)
24 - Bõ chuỗi (ngày) nảo nề sầu than (- -)
Tái hiệp nhứt (phang) ngư thủy miên (tràng)

<u>Lớp III</u> : 25 - Cảm (thương) hồng nhan truân (chuyên)
Thấm mi tươm (lệ) lệ trào liên (miên)
26 - Cao xanh đành (hanh) rẽ đôi yến (oanh)
Cách ngăn duyên (nợ) đoạn tình ba (sanh)
27 - Nhưng xét suy châu đáo (- -) trong kiếp trần ai (- -)
Hết tan đến (hiệp) lệ thường xưa (nay)
28 - Xem kìa trăng thanh nước biếc (- -) mật thiết với đời (- -)
Khi tròn khi (khuyết) lúc đầy lúc (vơi)

VĂN THIÊN TƯỜNG
Bá Lý Hề

Soạn lời : Trần Quan Quờn

<u>Lớp I</u> : 1 - (- -) (Vì)
(Tình) (kia)
Thân (- -) thân (sao)
Lắm (- -) đắng (cay)
2 - (- -) (- -)
(- -) (Thương)
Thương (- -) thay (- -)
Đương khi (- -) gian (truân)
3 - Bâng (khuâng) trong (- -)
Lúc chia (tay) (- -)
(Yểm) (lụy)
Ngỏ (- -) cùng (chàng)
4 - (- -) (- -)
(- -) (Vì)
(Tình) (- -)
Tình (- -) nhà hàn (vi)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	5 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Tồn Xư	(XANG)	Xang Tồn Xư	(XANG)
		Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
		Hò Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
	6 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Tồn Xư	(XANG)	Xang Tồn Xư	(XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Xê Xang Xư	(XÀNG)
		Xàng Tồn Xế	(XANG)	Xảng Xang Xư	(XANG)
(Lớp dựng)	7 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Liu	(OAN)
		Oan Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
		Liu Oan Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu	(OAN)
	8 -	Oan Liu	(XỀ)	Oan lỉu	(- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oan Xề Tồn Oan	(LIU)
		Tồn Liu Oan	(XỀ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
		Liu Xề Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
	9 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
		Xang Tồn	(XÊ)	Xang Xư	(- -)
		Xư Tồn Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	10 -	Oan Liu	(XỀ)	Oan lỉu	(- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oan Xề Tồn Oan	(LIU)
		Tồn Liu Oan	(XỀ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
		Liu Xề Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
	11 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
		Xang Tồn	(XÊ)	Xang Xư	(- -)
		Xư Tồn Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	12 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
		Liu	(XỀ)	Tồn Oan	(LỈU)
		Lỉu Tồn	(LIU)	Xế Xáng Xư	(LIU)
(Lớp xế xảng)	13 -	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)		(- -)
		Xế	(XẢNG)	Xảng Xảng Tồn	(XANG)
		Xảng Tồn	(XÊ)	Líu Xê Xang Xư	(XÀNG)
		Xàng Tồn	(XANG)	Xê Líu Xê	(XANG)
	14 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
		Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

5 - (Nên) mới (- -)
Sanh (ly) (- -)
(Khi) đưa (nhau)
Bắt (- -) tay dặn (dò)

6 - (Lúc) đắc lộ (- -)
Chàng có (nghĩ) (- -)
(Nghĩ) chút (tình)
Tào (khang) (- -)

7 - (- -) (- -)
(- -) (Tay)
(Dưng) (- -)
Chén quỳnh (- -) hôm (nay)

8 - (Khuyên) (- -)
Lương (nhân) (- -)
Vững (lòng) ruổi (dong)
Dò (bước) đến (Tần)

9 - (Cách) (- -)
Núi (ải) (- -)
Ví (như) vực (- -)
Thẩm (- -) ráng (dò)

10 - (- -) Lo (- -)
Đang (khi) (- -)
Qua đèo (- -) ải (ngăn)
Gành (- -) đá chập (chồng)

11 - (Qua) (- -)
Đến (chốn) (- -)
Sớm (thơ) nhạn (- -)
Tả (- -) mấy (hàng)

12 - (Cho) hãn (- -)
Các (điều) (- -)
(Điều) ấm (lạnh)
Dường (bao) (- -)

13 - (- -) (- -)
(Thảm) thiết (thay)
(Cho) kẻ (nhà)
Ngồi (trông) (- -)

14 - (- -) (- -)
(- -) (Luống)
(Chạnh) (- -)
Rất (- -) bận tấm (lòng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	15 -	Xảng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Xang Xư	(XANG)	Xảng Xang Xư	(XANG)
		Xảng Tồn	(XÊ)	Líu Xang Xư	(XÀNG)
		Xàng Xàng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Xư	(XANG)
Lớp II :	16 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Tồn	(HÒ)
		Liu Xàng Xề	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
		Líu Oán	(XÊ)	Xảng Xang Xư	(XANG)
	17 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Xê	(XANG)
		Xang Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
		Líu Oán	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(XƯ)
	18 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Xang Xư	(XANG)	Xang Tồn Xư	(XANG)
		Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
		Líu Oán	(XÊ)	Xảng Xang Tồn	(HÒ)
	19 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Tồn	(HÒ)
		Xế Xáng Xư	(XÀNG)	Xàng Xê	(- -)
		Xề Oan Liu	(- -)	Líu Tồn Xê Xư	(XANG)
	20 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Tồn Xư	(XANG)	Xang Tồn Xư	(XANG)
		Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
		Hò Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
	21 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Tồn Xư	(XANG)	Xang Tồn Xư	(XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Xê Xang Xư	(XÀNG)
		Xàng Tồn Xế	(XANG)	Xảng Xang Xư	(XANG)
(Lớp dựng)	22 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Liu	(OAN)
		Oan Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
		Liu Oan Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu	(OAN)
	23 -	Oan Liu	(XỀ)	Oan lỉu	(- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oan Xề Tồn Oan	(LIU)
		Tồn Liu Oan	(XỀ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
		Liu Xề Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
	24 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
		Xang Tồn	(XÊ)	Xang Xư	(- -)
		Xư Tồn Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

15 - Xa (xuôi) nỗi (- -)
Thảm chưa (nguôi) (- -)
(Lướt) bụi (hồng)
Vùi (thân) (- -)

<u>Lớp II</u> :

16 - (- -) (- -)
(- -) (Từ)
Chàng (đi) lá (ngô)
Thay (- -) dư mấy (thu)

17 - (- -) (- -)
(- -) (Thương)
(- -) Thương (thay)
Cho (- -) thân lưu (lạc)

18 - Lang (quân) chàng (- -)
Bá Lý (Hề) (- -)
(Vưng) (chiếu)
Chuộc (- -) về (Tần)

19 - (- -) (- -)
(- -) (Ngày)
(Hằng) (- -)
Ngày (- -) càng (trông)

20 - (Mỏi) mắt (- -)
Ngó (mong) (- -)
(Biển) mây (xanh)
Vắng (- -) vẻ chơn (trời)

21 - Bóng (ác) chen (- -)
Màn khói (tỏa) (- -)
(Vẽ) cảnh (trời)
Buồn (xo) (- -)

22 - (- -) (- -)
(- -) (Non)
(Cao) (- -)
Như hình (- -) vọng (phu)

23 - (- -) Xưa (- -)
Xưa (kia) (- -)
Giữ (tình) nghĩa (nhân)
Hình (đá) trông (chồng)

24 - (Dám) ví (- -)
Với (kẻ) (- -)
(Dẫu) cho (- -)
Sông (- -) cạn đá (mòn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	25 -	Liu Oan	(XỀ)	Liu lỉu (- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oan Xề Tồn Oan (LIU)
		Tồn Liu Oan	(XỀ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Liu Xề Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan (XÀNG)
	26 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế (XANG)
		Xang Tồn	(XÊ)	Xang Xư (- -)
		Xư Tồn Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	27 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Liu	(XỀ)	Tồn Oan (LỈU)
		Lỉu Tồn	(LIU)	Xế Xáng Xư (LIU)
(Lớp xế xảng)	28 -	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	(- -)
		Xế	(XẢNG)	Xảng Xảng Tồn (XANG)
		Xảng Tồn	(XÊ)	Xê Xang Xư (XÀNG)
		Xàng Tồn	(XANG)	Xê Líu Xê (XANG)
	29 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu (- -)
		Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	30 -	Xảng Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xang Xư	(XANG)	Xảng Xang Xư (XANG)
		Xảng Tồn	(XÊ)	Líu Xang Xư (XÀNG)
		Xàng Xàng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Xư (XANG)
Lớp III :	31 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Liu (OAN)
		Oan Oan	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Oan Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu (XÀNG)
	32 -	Xàng Liu	(XỀ)	Oan Lỉu (- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
		Liu Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Oan Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu (XÀNG)
	33 -	Xàng Liu	(XỀ)	Oan Lỉu (- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
		Liu Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Oan Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu (OAN)
	34 -	Oan Liu	(XỀ)	Oan Lỉu (- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
		Liu Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Oan Xề	(- -)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)

Digitized by www.namkyluctinh.org

25 - Sang (giàu) đâu (- -)
(Tham) (- -)
(Vì) nghĩa (ân)
Tình (- -) ái lâu (dài)

26 - (Thiếp) (- -)
Cũng (nguyện) (- -)
Ví (như) cuộc (- -)
Thế (- -) đổi (đời)

27 - (Ôm) miểng (- -)
Kiếng (nầy) (- -)
(Thề) (chẳng)
Dời (lòng) (- -)

28 - (- -) (- -)
Vắng (vẻ) năm (canh)
(Thiếp) (đèn)
Dầu (hao) (- -)

29 - (- -) (- -)
(- -) (Luống)
(Chạnh) (- -)
Kết (- -) bạn bóng (mình)

30 - Thở (than) trăn trở (- -)
Chưa (an) (- -)
(Kế) tiếng (gà)
Tàn (canh) (- -)

<u>Lớp III</u> :

31 - (- -) (- -)
(- -) (Lang)
(Quân) (- -)
Nay đà (- -) qua (Tần)

32 - (Đến) chức (- -)
Công (khanh) (- -)
(Thêm) (- -)
Nhiều (- -) cô (hầu)

33 - (Dám) trách (- -)
Cho (ai) (- -)
(Sang) (- -)
giàu (- -) đổi (thay)

34 - (- -) Nên (- -)
Công (danh) (- -)
(Đó) đã (- -)
Đành (- -) quên (nhau)

Digitized by www.namkyluctinh.org

35 -	Oan Liu	(XỀ)	Liu lỉu	(- -)
	Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oan Xề Tồn Oan	(LIU)
	Tồn Liu Oan	(XỀ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Liu Xề Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
36 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xang Tồn	(XÊ)	Xang Xư	(- -)
	Xư Tồn Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
37 -	Oan Liu	(XỀ)	Liu lỉu	(- -)
	Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oan Xề Tồn Oan	(LIU)
	Tồn Liu Oan	(XỀ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Liu Xề Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
38 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xang Tồn	(XÊ)	Xang Xư	(- -)
	Xư Tồn Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
39 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Liu	(XỀ)	Tồn Oan	(LỈU)
	Lỉu Tồn	(LIU)	Xế Xáng Xư	(LIU)
(Lớp xế xảng) 40 -	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)		(- -)
	Xế	(XẢNG)	Xảng Xảng Tồn	(XANG)
	Xảng Tồn	(XÊ)	Xê Xang Xư	(XÀNG)
	Xàng Tồn	(XANG)	Xê Líu Xê	(XANG)
41 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
42 -	Xảng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xang Xư	(XANG)	Xảng Xang Xư	(XANG)
	Xảng Tồn	(XÊ)	Líu Xang Xư	(XÀNG)
	Xàng Xàng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Xư	(XANG)

3 - VÕ TẮC BIỆT

(42 câu, nhịp 8, song lang 6-8)

Lớp I : 1 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xư Xang	(- -)	Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
	Xàng Xề	(- -)	Xề Ú Liu	(OAN)

Digitized by www.namkyluctinh.org

35 - (- -) Tay (- -)
Bồng (con) (- -)
Theo (đường) kiếm (ăn)
Lần (bước) qua (Tần)
36 - (Xa) (- -)
Mấy (dặm) (- -)
Đến (cho) tạn (- -)
Kẻ (- -) bạc (tình)
37 - (- -) Khi (- -)
Đưa (nhau) (- -)
(Ngồi) chẻ cửa (tre)
Mà (hấp) món (gà)
38 - (Sao) chẳng (- -)
Nhớ (thuở) (- -)
(Áo) trâu (- -)
Lạnh (- -) lẽo một (lều)
39 - (Chừ) đặng (- -)
Quí (rồi) (- -)
(Thì) (đó)
Dời (lòng) (- -)
40 - (- -) (- -)
(Cất) tiếng (ca)
(Giựt) (mình)
Kẻ ngồi (trên) (- -)
41 - (- -) (- -)
(- -) (Giữa)
(Tiệc) trung (- -)
Xót (- -) dạ anh (hùng)
42 - Buông (ly) bước thẳng (- -)
Nắm (tay) (- -)
(Khóc) với (người)
Tình (chung) (- -)

VÕ TẮC BIỆT
Anh hùng Nguyễn Trung Trực

Soạn lời : Nhị Tấn

Lớp I : 1 - (- -) (- -)
(- -) (Ông)
Quản Cơ (- -) Nguyễn Trung Trực anh (hùng)
Vì nước nhà (- -) đánh đuổi xâm (lăng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Xề Ú Liu	(OAN)	Liu Xề Ú Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Liu Xáng Xư	(XỀ)
	Liu Xề	(- -)	Xáng Ú Liu	(OAN)
3 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Xề Ú Liu	(OAN)	Liu Xề Ú Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Liu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Tồn Xế	(XẢNG)	Xảng Liu Oan	(XỪ)
4 -	Xảng Xang Xư	(HÒ)	Hò Xế Xảng	(XANG)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xư	(HÒ)	Hò Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
5 -	Liu	(XỀ)	Xáng Ú Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Liu Lỉu Cống Xê	(XANG)
	Liu	(XỀ)	Xề Oan	(LỈU)
	Xế Xáng	(LIU)	Liu Xáng Xế	(LIU)
6 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Liu Lỉu Cống Xê	(XANG)
	Liu	(XỀ)	Xề Oan	(LỈU)
	Xế Xáng	(LIU)	Liu Xế Xáng	(LIU)
7 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Oan Liu	(- -)	Liu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Tồn Xế	(XẢNG)	Xảng Liu Oan	(XỀ)
8 -	Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xế	(XẢNG)
	Xảng Liu Oan	(XỪ)	Xảng Xể	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Líu Oán	(XÊ)	Tồn Xang Xư	(LỊU)
9 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xư	(HÒ)	Xê Xư Tồn	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Xáng Ú Liu	(OAN)	Oan Lỉu Oan	(XỀ)
10 -	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(- -)
	Lỉu Liu Oan	(XỀ)	Xang Xể	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Líu Oán	(XÊ)	Tồn Xang Xư	(LỊU)
11 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(HÒ)	Xê Xư Tồn	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 - (Theo) hịch truyền (- -)
Cần (Vương) (- -)
Ngày (đêm) đãi sĩ chiêu (hiền)
Trong (- -) từng lớp nông (dân)

3 - Vì (dân) sợ gì (- -)
Võ khí tối (tân) (- -)
(Trong) binh (nghiệp)
Chiến công (ông) rất lẫy (lừng)

4 - (- -) (- -)
(- -) (Chiếc)
Pháo (thuyền) giặc Pháp hung (hăng)
Nhựt Tảo (- -) liệt oanh ngọn lửa (hồng)

5 - Đốt tiêu (tàu) của kẻ tham (lam)
Ông (đã) lập được (công)
Vua (liền) phong (chức)
Thành Thú Ủy Hà (Tiên) (- -)

6 - Khi mất (luôn) ba tỉnh Miền (Tây)
(Ông) đành phải rút (quân)
(Về) Hòn (Chông)
Tiếp tục chiến (công) (- -)

7 - (- -) (- -)
(- -) (Nơi)
Rạch Giá ông (- -) đã thắng (to)
Võ khí (- -) thâu đoạt rất (nhiều)

8 - Bọn theo (Tây) đã (- -)
Chỉ điểm đủ (điều) (- -)
(Nên) Kiên (Giang)
Đành (rơi) vào tay (giặc)

9 - (- -) Rút (quân)
Về núi (Trầu) miệt Hà (Tiên)
Sau (về) Phú Quốc (- -)
Lập chiến (khu) tiếp tục diệt (thù)

10 - Tay (sai) Huỳnh Công Tấn (- -)
Liên tiếp thua (liền) (- -)
(Mới) đem kế (mưu)
Sắp (- -) bày hèn (hạ)

11 - (- -) (Chỉ)
Lối vẽ (đường) cho bọn xâm (lăng)
Bắt (thân) mẫu ông (- -)
Cùng chúng dân (- -) buộc ông qui (hàng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	12 -	Xế Xê	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xang Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Liu	(XỀ)	Tồn Oan (LỈU)
		Xế Xáng Xứ	(LIU)	Liu Xáng Xứ (LIU)
(Lớp xế xảng)	13 -	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	(- -)
		Xế	(XẢNG)	Xảng Xảng Tồn (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Xang Xư (XÀNG)
		Xàng Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế (XANG)
	14 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (XÊ)
		Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	15 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xể Xê	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Xê Xang Xư (XÀNG)
		Xàng Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể Xê (XANG)

(<u>Lớp II</u> từ câu 16 đến câu 30 trùng <u>Lớp I</u> từ câu 1 đến câu 15)

<u>Lớp III</u> :	31 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Xáng Ú Liu (OAN)
		Oan Oan Tồn	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Xề	(- -)	Xề Xáng Ú Liu (OAN)
	32 -	Oan Oan Tồn	(LIU)	Liu Lỉu (- -)
		Lỉu Ú Liu	(OAN)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Tồn Liu Xáng Xư	(XỀ)	Xề Tồn Oan (LIU)
		Tồn Liu Xế	(XẢNG)	Xảng Liu Oan (XÀNG)
	33 -	Xàng Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oan (LIU)
		Liu Cống Xê	(XANG)	Xê Xư Tồn Xế (XANG)
		Tồn	(XỀ)	Xề Tồn Oan (LỈU)
		Lỉu Xế Xáng	(LIU)	Liu Xế Xáng (LIU)
	34 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Oan Liu	(- -)	Liu Xế Xáng (LIU)
		Liu Tồn Xế	(XẢNG)	Xảng Liu Oan (XÀNG)
	35 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xể Tồn	(XANG)	Xê Xư Tồn Xế (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Xê Xang Xư (- -)
		Xư Xang Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	36 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Tồn	(XỀ)	Xề Oan (LỈU)
		Lỉu Xế Xáng	(LIU)	Liu Xế Xáng (LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

12 - Nếu không (thì) thiêu cháy (- -)
Hết xóm (làng) (- -)
(Và) thân (mẫu)
Phải đầu (rơi) (- -)

13 - (- -) (- -)
(Nghĩa) ruột thịt thiêng (liêng)
Nên (- -) ông cam (đành)
Giải tán nghĩa (binh) (- -)

14 - (- -) (- -)
(- -) (Thôi)
Đem nạp (mình) cho Pháp quân (- -)
Để đổi (- -) sanh mạng mẹ (già)

15 - Còn (đâu) một (- -)
Thời liệt (oanh) (- -)
Chúng (đem) ông ra hành (hình)
Khỏi họa về (sau) (- -)

(<u>Lớp II</u> từ câu 16 đến câu 30 trùng với <u>Lớp I</u> từ câu 1 đến câu 15)

<u>Lớp III</u> :

31 - (- -) (- -)
(- -) (Ôi)
(Đứng) hùng anh (- -)
Oai hùng (- -) trí dõng hiên (ngang)

32 - (Bao) năm tháng (- -)
Ngang dọc dọc (ngang) (- -)
Anh (hùng) lâm vận (mạt)
Phải (- -) chịu đời (tàn)

33 - Thiếu (thời) đã (theo)
Việc binh (nhung) (- -)
Phong (trần) hăng (- -)
Hái tuốt (gươm) (- -)

34 - (- -) (- -)
(- -) Giang (sơn)
Gấm hoa (- -) lòng yêu nước thiết (tha)
Dóc (chí) trả nợ sơn (hà)

35 - Quyết (tâm) rửa (- -)
Hờn cho muôn (dân) (- -)
(Quét) sạch (- -)
Bọn (- -) ngoại chủng xâm (loàn)

36 - (Sông) Nhựt Tảo (- -)
Hỏa (hồng) (- -)
Nhận (chìm) tàu (giặc)
Rất liệt (oanh) (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

37 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(OAN)
	Oan Oan Tồn	(LIU)	Liu Xể Xê	(XANG)
	Tồn	(XỀ)	Xề Oan	(LỈU)
	Lỉu Xế Xáng	(LIU)	Liu Xế Xáng	(LIU)
38 -	Tồn	(HÒ)	Hò Tồn	(XÊ)
	Xê Líu Oán	(XÊ)	Oán Xể Xê	(XANG)
	Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xê Tồn Hò	(- -)	Ho Tồn Xể Xế	(XANG)
39 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Tồn	(XỀ)	Xề Oan	(LỈU)
	Lỉu Xế Xáng	(LIU)	Liu Xế Xáng	(LIU)
(Lớp xế xảng) 40 -	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)		(- -)
	Xế	(XẢNG)	Xảng Xảng Tồn	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Xang Xư	(XÀNG)
	Xàng Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế	(XANG)
41 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
42 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xể Xê	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Tồn Xang	(XÊ)	Líu Xang Xư	(XÀNG)
	Xàng Xàng Tồn	(XANG)	Xê Xể Xê	(XANG)

(Sưu tầm của cố nhạc sĩ Hai Biểu)

4 - VÕ TẮC BIỆT

(30 câu, nhịp 8, song lang 6-8)

Lớp I : 1 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xư	(HÒ)	Xề Ú Liu	(OAN)
	Oan Oan Liu	(- -)	Xế Xáng Xư	(XÀNG)
2 -	Lỉu Liu	(XỀ)	Tồn Oan	(LỈU)
	Lỉu Lỉu Xáng	(LIU)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(OAN)
	Oan Oan Liu	(- -)	Xế Xáng Xư	(XÀNG)
3 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xang Tồn	(XANG)	Xang Xang	(XỂ)
	Xể Tồn Xê	(- -)	Líu Xê Xang	(XƯ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

37 - Kiếm (bạt) Kiên (Giang)
(Vang) rền núi (sông)
Quỷ (thần) khiếp (- -)
Vía kinh (oai) (- -)

38 - (Làm) thân nam (nhi)
Không hổ (danh) con cháu rồng (tiên)
(Khi) qui thiên (- -)
Vẫn kiêu hùng (- -) ngâm bài tuyệt mạng (thơ)

39 - Lời (thơ) khẳng khái (- -)
Của vị anh (hùng) (- -)
(Thù) xâm (lăng)
Chẳng đội trời (chung) (- -)

40 - (- -) (- -)
(Mẫu) tử tình (thâm)
Và (- -) dân côi xóm (làng)
Đành phải bó (tay) (- -)

41 - (- -) (- -)
(- -) (Anh)
Hùng (dẫu) thác (- -)
Tiếng thơm (- -) vẫn để muôn (đời)

42 - Hùng (anh) bất (- -)
Khuất liệt (oanh) (- -)
Luôn (- -) chói (lòa)
Trang sử (xanh) (- -)

VÕ TẮC BIỆT
Mẹ

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) (- -)
(--) Mẹ (ta)
Tháng năm (dài) lặng lẻ nuôi (con)
Từng đêm (- -) khắc lụn canh (tàn)

2 - Ru (hoài) ru (mãi)
Ngọt ngào điệu dân (ca) (- -)
Từ thuở nằm (nôi) đến ngày lớn (khôn)
Lời ru (- -) theo ta trọn kiếp (người)

3 - (- -) (- -)
(- -) Mẹ Việt (Nam)
Tự ngàn (xưa) một đời lam (lũ)
Quản bao (- -) mưa dầm nắng (hạ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(XÊ)
	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xang Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
	Xê Tồn Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
5 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Oan Liu	(- -)	Liu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
6 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế	(XANG)
	Tồn	(LIU)	Liu Oan	(XỀ)
	Tồn Xề Oan	(LIU)	Xế Xáng Xứ	(LIU)
7 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Oan Liu	(- -)	Liu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Liu Oan	(XỀ)
8 -	Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xang	(XẾ)
	Xế Liu Oan	(XỪ)	Xể Líu Xang	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Líu Oán	(XÊ)	Tồn Xang Xư	(LỊU)
9 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xư	(HỌ)	Xê Xư Tồn	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Oán Xê Xư	(- -)	Xề Oan Lỉu Oan	(XỀ)
10 -	Xề Tồn	(LIU)	Oan Lỉu	(- -)
	Lỉu Liu Oan	(XỪ)	Xừ Xang Xể	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Oán	(XÊ)	Tồn Xang Xư	(LỊU)
11 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(HỌ)	Xê Xư Tồn	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
12 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xang Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Liu	(XỀ)	Tồn Oan	(LỈU)
	Xế Xáng Xứ	(LIU)	Liu Xáng Xứ	(LIU)
13 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế	(XẢNG)
	Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Xư	(XÀNG)
	Xàng Xàng Tồn	(XANG)	Xê Xể Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4 - (Đâu) mái tóc (xanh)
Của thời xuân (nữ) trước gió tung (bay)
Chỉ còn (đây) từng mảng tuyết (sương)
(Phủ) trắng vai (gầy)

5 - (- -) (- -)
(- -) (Ta)
(- -) Lớn (khôn)
Trong dòng (sữa) ngọt (ngào)

6 - Trong (vòng) tay ấm (- -)
Và tiếng ru (êm) (- -)
Lời (ru) trong giấc (nồng)
Theo từng bước ta (đi) (- -)

7 - (- -) (- -)
(- -) Mẹ (ta)
(- -) Đi (trong)
Năm (tháng) nhọc (nhằn)

8 - (Khi) thân (xác)
Khô (cằn) (- -)
Thì (- -) cũng đến (khi)
Mỏi (mê) trong tàn (tạ)

9 - (- -) Còn (ta)
Trên bước (đời) dầu dãi bôn (ba)
(Thoảng) như (- -)
Có hồi (- -) vọng hướng quê (nhà)

10 - Chiều (hôm) tựa cửa (- -)
Bóng mẹ (già) (- -)
Thì (ta) có (chăng)
Một thoáng bâng (khuâng) hay một cơn ái (ngại)

11 - (- -) (Mưa)
Tự (trời) mưa đổ (xuống)
(Nước) mắt (- -)
Cứ chảy xuôi (- -) tự ngàn (đời)

12 - (Ôi) tiếng (- -)
Mẹ ru (hời) (- -)
Đưa ta (về) thăm (thẳm)
Quản đời ấu (thơ) (- -)

13 - (- -) (- -)
(- -) Bóng (đổ)
Nghiêng (nghiêng) cơn mê (nào)
Ru giấc ngủ triền (miên) (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

14 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
15 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xang Tồn Xang	(XÊ)	Líu Xê Xang Xư	(XÀNG)
	Xàng Xàng Tồn	(XANG)	Xê Xể Xê	(XANG)

***(Lớp II** từ câu 16 đến 27 trùng **Lớp I** từ câu 1 đến 12)*

Lớp III : 28 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Lỉu Liu	(- -)	Liu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
29 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xể Tồn	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Xang Liu	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Tồn Xang Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
30 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Liu	(XỀ)	Tồn Oan	(LỈU)
	Xế Xáng Xứ	(LIU)	Liu Xáng Xứ	(LIU)

(Sưu tầm của nhạc sĩ Bảy Phuông (Gò Vấp) năm 1962)

5 - XUÂN NỮ

(16 câu, nhịp 8, song lang 6-8)

1 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xàng Xề	(LIU)
	Liu Xàng	(LIU)	Xang Xê Xế	(XẢNG)
	Xảng Xế	(XÊ)	Xể Xang Xư	(XỀ)
2 -	Liu	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XÀNG)
	Xê Liu	(XÀNG)	Xang Xê Xế	(XẢNG)
	Xang Xế	(XỂ)	Xê Xang Xư	(XỀ)
	Xế Liu	(XỀ)	Xế Xảng Xáng	(LIU)
3 -	Liu Liu	(XỀ)	Xế xảng Xáng	(LIU)
	Xề Xang Xư	(LIU)	Xàng Xề	(LIU)
	Liu Xàng Xề	(LIU)	Xang Xê Xế	(XẢNG)
	Xang Xế	(XỂ)	Xể Xang Xư	(XỀ)
4 -	Liu	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XÀNG)
	Xê Líu	(XÀNG)	Xàng Xề	(LIU)
	Liu Lỉu	(LIU)	Lỉu Ú Liu	(CỘNG)
	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

14 - (- -) (- -)
(- -) Thân lữ (thứ)
Ngàn (dặm) ly hương (- -)
Vẫn nhớ thương (- -) hình bóng của mẹ (hiền)
15 - Ôi (ta) có thể (- -)
Trả nợ đời trăm (năm) (- -)
Nhưng ngàn (năm) hiếu ân nặng (hoằng)
Biết thuở nào trả (xong) (- -)

<u>Lớp III</u> : 28 - (- -) (- -)
(- -) (Mai)
Kia (- -) Cỏ (xanh)
Che (phủ) nơi mẹ (nằm)
29 - Cho (dù) ta nhỏ xuống (- -)
Từng dòng lệ ăn (năn) (- -)
Cũng không (còn) thấy mặt (- -)
Mẹ yêu (- -) dù chỉ một (giờ)
30 - Đâu còn (nghe) tiếng ru (- -)
Của thuở dại (khờ) (- -)
Ôi bên (đường) hoa cỏ (dại)
Cũng còn hơn (ta) (- -)

XUÂN NỮ
Oan án Lệ Chi Viên

Soạn lời : Hồng Quang

1 - (- -) (- -)
(- -) Vầng trăng (khuya)
(- -) đã (khuất)
Giữa (- -) đám mây (mù)
2 - (- -) (- -)
(Tiếng) vạc kêu (sương)
(Nghe) nảo (nùng)
Ai oán (- -) giữa màn (đêm)
3 - (- -) (- -)
(- -) Lệ Chi (Viên)
(- -) Màu tang (tóc)
Nay (- -) đã bao (trùm)
4 - (- -) (- -)
(Lòng) Nguyễn đại (phu)
(- -) (Như)
Trăm (đoạn) trăm đoạn tơ (vò)

Digitized by www.namkyluctinh.org

5 -	Liu	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XÀNG)
	Xê Líu	(XÀNG)	Xàng Xề	(LIU)
	Liu Xàng	(LIU)	Xang Xê Xế	(XẢNG)
	Xảng Xế	(XÊ)	Xể Xang Xư	(XỀ)
6 -	Liu	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XÀNG)
	Xê Líu	(XÀNG)	Xang Xê Xế	(XẢNG)
	Xảng Xế	(XÊ)	Xế Xang Xư	(XỀ)
	Xề Liu	(XỀ)	Xế Xảng Xáng	(LIU)
7 -	Liu Liu	(XỀ)	Xế Xáng Xứ	(LIU)
	Xàng Xề	(LIU)	Tồn	(LIU)
	Xảng Xáng Xứ	(LIU)	Xang Xê Xế	(XỂ)
	Xê Xang	(XỂ)	Xể Xang Xư	(XANG)
8 -	Xang Xảng	(XANG)	Xảng Xang Liu	(XÀNG)
	Xàng Liu Phan	(XỀ)	Xề Xề	(- -)
	Xảng Xề	(LIU)	Phan Liu	(- -)
	Liu Tồn	(LIU)	Liu Xể Xê	(XANG)
9 -	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xê Líu	(XANG)	Tồn	(XÊ)
	Xê Líu	(Xê)	Xể Xê Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Líu Phán	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(XƯ)
10 -	Xư Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xê Líu	(XANG)	Xang Xế	(XÊ)
	Xể Xế	(XÊ)	Líu Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề	(LIU)	Tồn Xể Xê	(XANG)
11 -	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xê Líu	(XANG)	Xảng Tồn	(XÊ)
	Xê Líu	(XÈ)	Xảng Xang Xư	(HÒ)
	Liu Tồn	(LIU)	Xư Xang Xế	(XỂ)
12 -	Xể Xể Tồn	(XANG)	Xang Xư	(XÀNG)
	Xàng Xàng	(XỀ)	Xề Xề	(- -)
	Xàng Xề Phan	(LIU)	Liu Phan Liu	(- -)
	Liu Xề	(LIU)	Líu Xế Xê	(XANG)
13 -	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xê Líu	(XANG)	Xảng Tồn	(XÊ)
	Xê Líu	(XÊ)	Xê Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Xế	(XÊ)	Xế Xê Xang	(XƯ)
14 -	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xê Líu	(XANG)	Xảng Tồn	(XÊ)
	Xê Xế	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	Liu Xề	(LIU)	Xề Liu Xế	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

5 - (- -) (- -)
(- -) Niềm (đau)
(- -) Cơn ác (mộng)
Thoát (- -) đã tựu (thành)

6 - (- -) (- -)
(- -) Nỗi ức (oan)
(- -) Nghẹn (lời)
Khô (- -) cứng làn (môi)

7 - (- -) (- -)
(- -) Ôi tội thí (quân)
(Như) một vết (nhơ)
Biết (- -) thuở nào (phai)

8 - (Ôi) đứng cao (dày)
(Bao) đành (- -)
Bày (chi) trò (- -)
Biển (thẳm) hóa nương (dâu)

9 - (- -) (- -)
(- -) Để Côn (Sơn)
(- -) Từ đây (phải)
Điều (- -) hiu cô (quạnh)

10 - (- -) (- -)
(- -) Hoa lá ngàn (cây)
(Cũng) sụt (sùi)
Thương (người) phải chịu hàm (oan)

11 - (- -) (- -)
(- -) Từ theo tiên (vương)
(- -) Đuổi giặc (Minh)
Giữ (- -) yên bờ (cõi)

12 - (Với) một tấm (lòng)
(Trung) thành (- -)
Thần (bao) nài (- -)
(Gian) khổ hy (sinh)

13 - (- -) (- -)
(- -) Đến (nay)
(Tuổi) chiều bóng (xế)
Thần (- -) đâu quản (ngại)

14 - (- -) (- -)
(- -) Chuyện tử (sanh)
(- -) Để đáp (đền)
(Ơn) nước nợ (dân)

Digitized by www.namkyluctinh.org

15 -	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xê Líu	(XANG)	Xảng Tồn	(XÊ)
	Xê Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XÊ)
	Líu Phán	(XÊ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)
16 -	Liu Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng Xê	(XANG)
	Xê Líu	(XANG)	Xảng Tồn	(XÊ)
	Xang Xế	(XÊ)	Xảng Xang Xư	(XỀ)
	Liu Phan	(XỀ)	Xàng Xề Phan	(LIU)

6 - KHỔNG TỬ KHÓC NHAN HỒI

(29 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -		(- -)	Xê	(XANG)
2 -	Xang	(- -)	Xê Xang	(XƯ)
3 -	Xư Xang	(- -)	Xê Xang	(XƯ)
4 -	Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(HÒ)
5 -	Phàn Hò	(- -)	Xê Hò	(- -)
6 -	Phan Xề	(- -)	Phan Ho	(- -)
7 -	Xể Xê Phàn	(HÒ)	Xê Hò	(- -)
8 -	Xế	(XÊ)	Xang Xư	(XANG)
9 -		(- -)	Xê	(XANG)
10 -	Xang	(- -)	Xang Xê Xang	(XƯ)
11 -	Xư Xang	(- -)	Xê Líu	(HÒ)
12 -	Phàn Hò	(- -)	Phàn Hò	(- -)
13 -	Xế	(XÊ)	Xư Xế Xang	(- -)
14 -	Hò Xê	(- -)	Líu Xê	(HÒ)
15 -	Xế	(XÊ)	Xang Xư Xê	(HÒ)
16 -	Lỉu	(LIU)	Phàn Xề Lỉu	(LIU)
17 -	Lỉu	(LIU)	Phàn Xề Lìu	(XANG)
18 -		(- -)	Xê	(XANG)
19 -	Xang	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
20 -	Hò Xê	(- -)	Líu Hò	(- -)
21 -	Lỉu	(LIU)	Phàn Xề Lìu	(XANG)
22 -		(- -)	Hò	(HÒ)
23 -	Phàn	(HÒ)	Xê	(HÒ)
24 -	Phàn	(HÒ)	Xê Hò	(- -)
25 -	Xế	(XÊ)	Xang Xư	(XANG)
26 -	Lỉu	(LIU)	Phàn Xệ Lỉu	(LIU)
27 -	Xế	(XÊ)	Xang Xư Xế	(XANG)
28 -	Lỉu	(LIU)	Phàn Xề Phàn	(LIU)
29 -	Xế	(XÊ)	Xang Xư Xế	(XANG)

(Sưu tầm của cố nhạc sĩ Nguyễn Tùng Bá, do cố nhạc sĩ Hai Ngà (Phú Lâm) chép lại).

Digitized by www.namkyluctinh.org

15 - (- -) (- -)
(- -) Giờ (đây)
(- -) Dưới bệ (đơn)
Thần (- -) phải thọ (hình)
16 - (- -) (- -)
(- -) Ngàn đời (sau)
Thần (vẫn) không thẹn (lòng)
Với (- -) sử (xanh)

KHỔNG TỬ KHÓC NHAN HỒI
Khấp phục Thánh Nhan Tử

Soạn lời : Thiều Quang

1 - (- -) Giăng (giăng)
2 - Trời phũ (- -) dải sương (tan)
3 - Khổng Khâu (- -) giọt lệ chứa (chan)
4 - Thương ai (- -) vắn số cõi (đời)
5 - Ôi nghẹn lời (- -) hỡi trời (- -)
6 - Sư sầu (- -) bằng hữu ưu (- -)
7 - Lá lìa (cành) cội buồn (- -)
8 - Để thế (nhân) lăm lụy dầm (tuôn)
9 - (- -) Nhan (Uyên)
10 - Cuộc sống (- -) sáng trắng (trong)
11 - Giỏ cơm (- -) bầu nước một (lòng)
12 - Cùng thầy (- -) tận chữ tòng (- -)
13 - Sử (kinh) tinh lảu thông (- -)
14 - Đèn soi (- -) rạng chí (hồng)
15 - Những tưởng (đâu) tải đạo chung (dòng)
16 - Khổng (môn) rạng ngời hậu (lưu)
17 - Vẻ (vang) Trọng Ni hiền (sư)
18 - (- -) Ngũ (kinh)
19 - Tứ thư (- -) quyết giữ cho (đời)
20 - Trí tuệ (- -) sáng ngời (- -)
21 - Ôi vỡ (tan) đôi đường dở (dang)
22 - (- -) (Người)
23 - Một (lòng) chặc đạo thánh (hiền)
24 - Nhưng nào (- -) toại nguyền (- -)
25 - Nửa thân (sanh) đời lại sang (trang)
26 - Đớn (đau) tấc lòng ái (ưu)
27 - Khắc (ghi) hai chữ thiên (thu)
28 - Tử (sanh) số trời hẵn (nhiên)
29 - Tiếc (thương) Tứ Phối Nhan (Uyên)

Digitized by www.namkyluctinh.org

7 - CHINH PHỤ LY TÌNH

(16 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Xế	(XANG)
	Xảng Xang	(- -)	Xể Xê Xang	(XƯ)
2 -	Xư Xư Xang	(- -)	Xể Xê Xang	(XƯ)
	Xư Xư	(XANG)	Xang Xê Líu	(HÒ)
3 -	Phàn Hò	(- -)	Xê Xê	(HÒ)
	Ho Phan Xệ	(- -)	Xề Phan Ho	(- -)
4 -	Liu Phan	(XỀ)	Xề Liu	(- -)
	Xư Xê	(HÒ)	Xế Xang Xư	(XANG)
5 -		(- -)	Xế	(XANG)
	Xảng Xang	(- -)	Xể Xê Xang	(XƯ)
6 -	Xư Xang	(XÊ)	Xang Xê Líu	(HÒ)
	Hò Phàn Hò	(- -)	Hò Phàn Hò	(- -)
7 -		(- -)	Xang	(XỂ)
	Xể Xang	(- -)	Xư Hò Xế Xê	(XANG)
8 -	HòXê	(- -)	Xang Xê Líu	(HÒ)
	Lỉu Liu Oan	(XỀ)	Xàng Xề Oan	(LIU)
9 -	Phan Hỏ Ho	(- -)	Ho Phàn Ho	(- -)
	Lỉu Liu Oan	(XỀ)	Oan Liu	(- -)
10 -	Liu Lỉu	(LIU)	Lỉu Liu Xề Oan	(LIU)
	Liu Lỉu	(LIU)	Líu Oán Xê	(XANG)
11 -		(- -)	Xế	(XANG)
	Xảng Xang	(- -)	Xang Xê Líu	(HÒ)
12 -	Hò Xê	(--)	Líu Hò	(- -)
	Xư Xế	(HÒ)	Xế Xang Xư	(XANG)
13 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Oan	(LIU)	Liu Xề Oan	(LIU)
14 -	Liu Liu Oan	(LIU)	Liu Xề Liu	(- -)
	Xư Xế	(HÒ)	Xế Xang Xư	(XANG)
15 -	Liu Lỉu	(LIU)	Liu Xề Oan	(LIU)
	Liu Lỉu	(LIU)	Líu Oán Xê	(XANG)
16 -	Liu Lỉu	(LIU)	Liu Xề Oan	(LIU)
	Liu Lỉu	(LIU)	Líu Oán Xê	(XANG)

(Giới chơi Nhạc Tài Tử thường đờn ca tiếp theo bản Song Phi Hồ Điệp của bộ Ngũ Châu)

Digitized by www.namkyluctinh.org

CHINH PHỤ LY TÌNH
Chinh Phụ thán

1 - (- -) Nào (hay)
Nỗi đắng cay (- -) của chinh (phụ)
2 - Ủ rũ (- -) phấn lợt hương (phai)
Ngày lại (đêm) luống trông tin (chồng)
3 - Ngấn (- -) lệ đôi (dòng)
Tuôn tràn (- -) dầm bâu (- -)
4 - Sầu vì (đâu) bởi đâu (- -)
Nặng mang mối (tình) là tình đợi (trông)
5 - (- -) Ngó (mong)
Nơi (- -) chốn biên (cương)
6 - Xa cách (- -) biết bao dặm (đường)
Non nước (- -) xa khơi (- -)
7 - (- -) Lúc ra (đi)
Thiếp (- -) may chiếc hàn (y)
8 - Thời gian qua (- -) phong sương phũ (phàng)
Đắp kín (chăng) tấm thân (chàng)
9 - Đở lạnh (- -) tiết đông hàn (- -)
Hay là (đã) rã tan (- -)
10 - Còn (đâu) phủ tấm thân (đơn)
Ấm cõi (lòng) hầu đấu (tranh)
11 - (- -) Làm (thân)
Chiến sĩ (- -) cơ cực muôn (phần)
12 - Thân thích (- -) chẳng đặng gần (- -)
Đem thân (mình) bảo vệ non (sông)
13 - (- -) Trông (mau)
Biển (- -) lặng sông (trong)
14 - Mới phỉ (- -) ước mong (- -)
Chàng mau (về) sum họp với thê (nhi)
15 - Ơn (nhà) nợ nước vẹn (đôi)
Tình (- -) ngư thủy càng (ưa)
16 - Bỏ (khi) hiu quạnh phòng (không)
Mối duyên (xưa) thêm đượm nồng (hương)

Digitized by www.namkyluctinh.org

IX – CÁC BẢN CÓ NHIỀU HƠI ĐIỆU :

1 - LIÊU GIANG

(16 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

(Hơi Ai)	1 -	Tồn	(HÒ)	Liu Xàng Xề	(XANG)
		XangTồn	(XÊ)	Oán Xê Xư	(XANG)
	2 -	Xang Xế	(- -)	Xư Xàng	(- -)
		Xề Xáng	(Ú)	Liu Oan	(- -)
	3 -	Liu Xáng	(XỀ)	Tồn Xề Phan	(LIU)
		U Ú	(LỈU)	Xế Xáng	(LIU)
	4 -	Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Cổng Xê	(XANG)
		Liu Liu	(TỒN)	Hò Xang	(- -)
	5 -		(- -)	Ú Liu	(PHAN)
		Liu Liu	(- -)	Liu Ú Liu	(PHAN)
	6 -	Liu Ú	(- -)	Liu Phan	(- -)
		Liu Liu	(- -)	Líu Cống Xê	(XANG)
(Hơi Bắc)	7 -		(- -)	Xê Xang	(HÒ)
		Xang Xê	(- -)	Xảng Xê Xang	(HÒ)
	8 -	Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
		Tồn Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	9 -		(- -)	Xê Xang	(HÒ)
		Xang Xê	(- -)	Xảng Xê Xang	(HÒ)
	10 -	Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
		Tồn Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	11 -		(- -)	Xê Xang	(HÒ)
		Xang Xê	(- -)	Xảng Xê Xang	(HÒ)
	12 -	Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
		Xang Xế	(XỂ)	Xể Xang Xư	(XANG)
	13 -		(- -)	Xế Xê	(XANG)
		Xang Xể	(- -)	Xể Xế Xê	(XANG)
	14 -	Xang Xế	(- -)	Xế Xàng	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Hò Xang	(- -)
	15 -	Xế Xê	(XANG)	Xảng Xang Xư	(HÒ)
		Tồn Xang	(XÊ)	Xảng Xang Xư	(HÒ)
	16 -	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
		Liu Liu	(XỆ)	Xề Liu	(- -)

(Nhạc sĩ Ba Chột (Bạc Liêu) sáng tác)

Digitized by www.namkyluctinh.org

IX – CÁC BẢN CÓ NHIỀU HƠI ĐIỆU :

LIÊU GIANG
Chinh Phụ thán

Soạn lời : Trịnh Thiên Tư

1 - (Trời) chiều (xuân)
Sao lòng (buồn) nhớ đến lang (quân)
2 - Biên ải (- -) trai anh hùng (- -)
Chàng nhập (ngũ) quân nhung (- -)
3 - Thiếp mỏi (mòn) luống đợi (trông)
Sao (- -) chẳng thấy tin (chồng)
4 - Cá ngơ (lội) gió lặng sao (mờ)
Trăng lờ (đờ) buồn soi (- -)
5 - (- -) Ẵm con (thơ)
Ra vô (- -) thiếp ủ (ơ)
6 - Riêng cảnh (- -) bơ vơ (- -)
Nỗi thương (con) nỗi lại nhớ (chàng)
7 - (- -) (Hồi)
Trống vừa (- -) điểm canh đầu (làng)
8 - Leo lét (- -) ngọn đèn tàn (- -)
Kìa ve hát dế (ngâm) bàng hoàng (- -)
9 - (- -) Bức thơ (nhàn)
Thiếp (- -) gởi tạm đôi (hàng)
10 - Hầu thấu (- -) đến bạn vàng (- -)
Tường con thơ vợ (yếu) nơi gia đàng (- -)
11 - (- -) Đường ngàn (trùng)
Thiếp (- -) cam thờ (chàng)
12 - Nhạn yến (- -) vầy đàn (- -)
Mà phụng (loan) rẽ đôi hà (phang)
13 - (- -) Nhớ đến (con)
Dạ (- -) nhớ đến nước (non)
14 - (Non) nước nhìn (- -)
Thề trọn (đời) liệt trinh (-)
15 - Nếu chẳng (đặng) chung gối nơi loan (phòng)
Thề trăm (năm) vẹn giữ một (lòng)
16 - Vái van (đặng) giấc mộng tương (phùng)
Hầu nguôi lòng đợi (bạn) tình chung (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 – NGŨ QUAN

(14 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1-	Xế Xê	(XANG)	Xang Xế	(XẢNG)
	Xảng Xê Tồn	(HÒ)	La Xề La	(HO)
2 -	Xáng Ú Liu	(PHAN)	Phan Phan Liu	(XỀ)
	Xề Phan	(LỈU)	Xế Xang Xư	(HÒ)
3 -	Xang	(XỀ)	Xể	(- -)
	Xể Tồn Xang	(XỀ)	Là Hò Líu	(XỀ)
4-	Xể Xang Xể	(- -)	Xể Xê Xang	(- -)
	Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xang	(- -)
5 -	Líu Cống	(XÊ)	Tồn Xang Xư	(HÒ)
	Xư Xang Xê	(- -)	Tồn Xang Xư	(HÒ)
6 -	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Là Hò	(- -)	Líu Cống Xê	(XANG)
7 -	Xê Xảng	(XẾ)	Xê Xế	(XẢNG)
	Xế Xảng Xang	(HÒ)	Xế Xang Tồn	(XANG)
8 -		(HÒ)	Liu Cộng Xề	(XANG)
	Xang Liu	(XÀNG)	Liu Cộng Xề	(XANG)
9 -	Xảng Xế	(XÊ)	Xê Liu Xề	(- -)
	Hò Là	(HÒ)	Xế Xang	(- -)
10 -	Líu Cống	(XÊ)	Xảng Xang Là	(HÒ)
	Hò Xư Xang	(XÊ)	Xảng Xang Là	(HÒ)
11 -	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Liu Liu	(XỆ)	Tồn Liu	(- -)
12 -		(HÒ)	Liu Cộng Xề	(XANG)
	Xế Xáng	(LIU)	Lỉu Liu Phan	(XÀNG)
13 -	Liu Xế	(- -)	Xảng Xáng Xàng	(- -)
	LiuLiu	(XỆ)	Liu Xàng Xề	(LIU)
14 -		(XÁNG)	Xàng Liu	(XỆ)
	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

(Nhạc sĩ Ba Chột (Bạc Liêu) sáng tác)

3 - HOÀI LANG (DẠ CỔ HOÀI LANG)

(20 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

(hơi Bắc dựng) **1** -		(HÒ)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
2 -	Líu	(CỔNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
3 -	Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
4 -	Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

NGŨ QUAN
Con tế Mẹ

Soạn lời : Trịnh Thiên Tư

1 - Mẹ ôi ! Trước nghi (môn) con xin đáp (thảo)
Một ngày (cùng) mong gì trùng (phùng)
2 - Tiễn đưa linh (mẹ) ôi nảo (nùng)
Cho tất dạ (con) than thở nỉ (non)
3 - Con (cám) nghĩa (- -)
Mẹ sanh trẻ như qua (bể) gầy mòn quí (thể)
4 - Nếm đắng (- -) ăn cay (- -)
Chín trăng mười (ngày) hoài thai (- -)
5 - Ba năm cho bú (mớm) đỡ đần chăm dạy từng (lời)
Nay con lớn (khôn) mẹ đã an phần (rồi)
6 - Kính dâng ba (lạy) con dại ai (bi)
Từ rày (- -) mẫu tử tương (ly)
7 - Con nhớ (thuở) ẳm nuôi (trẻ)
Mẹ nhai cơm (nghiền) lưỡi lo lừa (xương)
8 - (Ngày) ngày hoài (lương)
Chan lệ (sầu) đêm nhớ với ngày (thương)
9 - Chén muối (dưa) trên linh sàng (- -)
Dần dần (tàn) khói hương (- -)
10 - Đau đớn (như) cửu khúc hồi (trường)
Thì giờ trôi (qua) con cách xa huyên (đường)
11 - Nén hương (nguyện) con niệm vong (linh)
Nhưng nào mong (mẹ) tồn sinh (- -)
12 - Từ (đường) sanh thì (khôn)
Có thác (thiêng) về chốn non (Bồng)
13 - Ôi đau đớn (- -) cõi lòng (- -)
Hiếu Tử (Lộ) chưa thỏa lòng thần (hôn)
14 - Lễ (phúng) vài chung (rượu)
Chúc linh (mẹ) cất nhẹ hương (hồn)

HOÀI LANG (DẠ CỔ HOÀI LANG)

Soạn lời : Cao văn Lầu (Sáu Lầu)

1 - (Từ) là từ phu (tướng)
2 - Bửu (kiếm) sắc phán lên (đàng)
3 - Vào (ra) luống trông tin (nhàn)
4 - Năm canh (- -) mơ màng (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

5 -		(LIU)	Lỉu Liu Liu	(XỀ)
6 -	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Liu Ú	(LIU)
7 -		(HÒ)	Là Xang Xê	(CỐNG)
8 -	Xê Líu	(XƯ)	Cống Xê Xư	(XANG)
9 -	Hò	(XÊ)	Líu Xê Xang	(XƯ)
10 -	Xê Líu	(XƯ)	Cống Xê Xư	(XANG)
11 -	Xư , Xang	(XƯ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
12 -	Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
13 -	Cống Xê	(XANG)	Tồn Xang Cống	(XÊ)
14 -	Xê Líu	(XƯ)	Cống Xê Xư	(XANG)
15 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(XÀNG)
16 -	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Liu Ú	(LIU)
17 -	Hò	(XƯ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
18 -	Xê Líu	(XƯ)	Cống Xê Xư	(XANG)
19 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(XÀNG)
20 -	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Liu Ú	(LIU)

(Sáng tác của nhạc sĩ Sáu Lầu (Bạc Liêu) khoảng năm1919-1920)

4 - TỨ BỬU LIÊU THÀNH

(28 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

(Hơi Bắc)	1 -		(- -)		(- -)
		Liu	(CỘNG)	Líu Xừ Xang Líu	(CỐNG)
	2 -	Líu Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Cống	(- -)
		Cống Líu Cống Líu	(XÊ)	Cống Xàng Líu	(CỐNG)
	3 -		(- -)	Liu	(XỀ)
		Cộng Liu	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
	4 -	Xề Cộng	(- -)	Liu Xề	(- -)
		Cống Xê	(XANG)	Hò Xự Xang	(XÊ)
	5 -	Xê Cống Líu	(XÊ)	Hò Xự Xang	(- -)
		Xang Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Xang	(XỰ)
	6 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
(Hơi Oán)	7 -	Xang Xảng	(XANG)	Xứ Ú Liu	(XỀ)
		Xề Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oan	(LIU)
	8 -	Tồn Xảng	(- -)	Xứ Xề	(- -)
		Liu Oan	(XÊ)	Xảng Xang Xư	(HÒ)
	9 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Liu Oan	(LIU)	Xảng Xang Xư	(XÀNG)
	10 -	Xàng Xề Oan	(LIU)	Lỉu Oan Xàng	(- -)
		Liu Oan	(LIU)	Xảng Xang Xư	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

5 - (Trông) ý y tin (chàng)
6 - Ôi ! Gan (vàng) quặn đau (- -)
7 - (Đường) dầu sa ong (bướm)
8 - Xin đó (đừng) phụ nghĩa tào (khang)
9 - (Đêm) luống trông tin (bạn)
10 - Ngày mõi (mòn) như đá vọng (phu)
11 - Vọng, phu (vọng) thiếp trông tin (chàng)
12 - Lòng xin (chớ) phụ phàng (- -)
13 - (Chàng) hỡi chàng có (hay)
14 - Đêm thiếp (nằm) luống những sầu (tây)
15 - Bao (thuở) đó đây sum (vầy)
16 - Duyên sắt (cầm) đừng lợt phai (- -)
17 - (Nguyện) cho (chàng)
18 - Đặng (chữ) an bình (an)
19 - (Mau) trở lại gia (đàng)
20 - Cho én (nhàn) hiệp đôi (- -)

TỨ BỬU LIÊU THÀNH
Ông Nguyễn Trung Trực

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) (- -)
(Pháp) đem quân cướp (nước)
2 - Vì non (sông) tổ quốc (- -)
Mang thân (trai) ngăn Tây chiếm (đất)
3 - (- -) Hỏa (hồng)
Nhựt Tảo (- -) thiêu rụi (tàu)
4 - Không cho (địch) đi vào (- -)
Đất cá (tôm) gạo lúa phì (nhiêu)
5 - Của dân (ta) bao đời nay (- -)
Tạo dựng an (cư) thanh bình lạc (nghiệp)
6 - Ông Nguyễn (- -) Trung Trực (-)
Trọn một (đời) vì nước vì (dân)
7 - (Nhưng) triều (đình)
Đem ba tỉnh (mình) nhượng hẵn cho (Tây)
8 - Ông mộ nghĩa (binh) đấu tranh (- -)
Đánh đuổi địch (quân) khắp các nẻo (đường)
9 - (- -) Địch (quân)
Bắt mẹ (ông) với đám dân (làng)
10 - Pháp trường (kia) đã sẵn sàng (- -)
Nếu (ông) không chịu quy (hàng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	11 -		(- -)	Tồn	(LIU)	
		Liu Oan Xề	(- -)	Tồn Xảng Xế	(XANG)	
	12 -	Xang Xế	(- -)	Xế Xang	(- -)	
		Xang Xảng	(XANG)	Tồn Xề Xang	(- -)	
	13 -		(- -)	Tồn	(LIU)	
		Liu Oan Xề	(- -)	Cống Xê Xang	(XƯ)	
	14 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)	
		Xê Xang	(XỰ)	Xự Xang	(- -)	
(Hơi Xuân)	15 -	Xê	(XANG)	Tòn Xê Xang	(HÒ)	
		Tồn Xang	(XÊ)	Xê Xang Xê	(TÍCH)	"Líu"
	16 -	Tích Tích	(LÍU)	Lỉu Liu Phan	(XÀNG)	
		Liu Phan	(XỆ)	Phan Xàng Liu	(- -)	
	17 -	Tồn	(LIU)	Phan Xệ Phan Xàng	(LIU)	
		Liu Phan Liu	(- -)	Phan Xệ Phan Xàng	(LIU)	
	18 -	Liu Phan Xàng	(- -)	Xàng Liu	(- -)	
		Liu Lỉu Liu Phan	(XÀNG)	Phan Xệ Phan Xàng	(LIU)	
(Hơi Đảo)	19 -	Tồn Liu	(Ú)	Xáng Liu	(- -)	
		Xế Xáng	(Ú)	Xề Ú Liu	(PHAN)	
	20 -	Phan Lỉu Líu	(XỀ)	Xể Xê Xang	(HÒ)	
		Liu Phan	(XỆ)	Xàng Liu	(- -)	
(Hơi Ai)	21 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)	
		Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)	
	22 -	Xê Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Xê Xự	(XANG)	
		Xảng Xang	(XÊ)	Xê Cống Xê Xự	(XANG)	
	23 -		(- -)	Xáng	(XỀ)	
		Xề Xáng Ú	(- -)	Liu Ú Xáng	(LIU)	
	24 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Liu	(- -)	
		Tồn Liu Xáng	(LIU)	Liu Liu Ú Xáng	(LIU)	
	25 -	Tồn Liu	(- -)	Xáng Liu	(- -)	
		Tồn Liu Xáng	(LIU)	Liu Liu Ú Xáng	(LIU)	
	26 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Xàng	(- -)	
		Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)	
	27 -	Hò Xự Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)	
		Xang Xê Líu	(- -)	Cống Xê Xang	(- -)	
	28 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)	
		Liu Liu	(XỆ)	Liu Xàng Xàng	(LIU)	

(Sáng tác của nhạc sĩ Ba Chột (Bạc Liêu) do nhạc sĩ Chín Tâm sưu tầm).

Digitized by www.namkyluctinh.org

11 - (- -) Hiếu (trung)
Hai đường (- -) khó vẹn toàn cả (hai)
12 - Thôi cho nghĩa (quân) rã hàng ngay (- -)
Để mẫu thân (khỏi) ách tai (- -)
13 - (- -) Hỡi (ôi)
Giặc thù (- -) đem ông ra hành (hình)
14 - Không chút (- -) nhân tình (- -)
Thương cho (bậc hùng anh (- -)
15 - Thuở thiếu (niên) ông nắm binh (quyền)
Xông (pha) bao trận (chiến)
16 - Đốt tàu (pháo) ngọn lửa (hồng)
Chiến tích (thật) vẻ vang (- -)
17 - Thương (thay) đấng tài (ba)
Đã rơi (- -) vào cảnh xót (xa)
18 - Mạt lộ anh (hùng) khó thoát ra (-)
Đắc tội (cùng) đồng bào (ta)
19 - Thù cướp (nước) bọn Lang sa (- -)
Ta rất (khó) đội chung (trời)
20 - Sống (sao) với kẻ xâm (loàn)
Dầy xéo mả (mồ) ông cha (- -)
21 - Ước (nguyện) giữ lấy binh (quyền)
Thực (hiện) những lời (nguyền)
22 - Cứu (nguy) giống Rồng (Tiên)
Để giữ (yên) tổ quốc thiêng (liêng)
23 - (- -) Nằm (lòng)
Hai chữ (- -) hiếu và (trung)
24 - Nat khó (- -) giữ chung (- -)
Bọn (Tây) sao quá hiểm (hung)
25 - Hăm giết dân (cùng) mẹ ông (- -)
Hàng hay (chiến) rất khó (phân)
26 - Xấu hổ với (- -) vua Hùng (- -)
Giang san cẩm (tú) cố giữ không (xong)
27 - Sắt (son) con cháu Lạc (Hồng)
Hiếu nghĩa (- -) tiết trung (- -)
28 - Chống ngoại (xâm) ông không đổi (lòng)
Chỉ vì (- -) mẫu tử tình (thâm).

Digitized by www.namkyluctinh.org

5 - NGŨ CHÂU MINH PHỔ

(40 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -		(- -)	Xê	(XANG)
(Dây Hò Nhứt)		Xê Líu Hò	(- -)	Là Xự Hò Xự Xang	(XÊ)
	2 -	Xê Xang Xê	(- -)	Líu Cổng	(- -)
		Liu Ú Liu	(- -)	Líu Cống Xê	(XANG)
	3 -	Tồn	(XANG)	Líu	(XỰ)
		Xự Xang Hò	(- -)	Hò Xang Xê Líu	(CỔNG)
	4 -	Tồn Liu	(Ú)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
		Xừ Xang Cống	(- -)	Tồn Ú Líu	(XÊ)
	5 -	Là Xang Xê	(- -)	Líu Cổng	(- -)
		Liu Ú Liu	(- -)	Tồn Cống Xê	(XANG)
	6 -	Tồn	(CỐNG)	Ú Líu Cổng Líu	(XÊ)
		Tồn Cộng Lỉu Liu	(XỀ)	Liu Xề Cộng Tồn	(LIU)
	7 -	Tồn Liu Ú Xáng	(LIU)	Tồn Liu	(Ú)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	8 -	Tồn Xang	(XÊ)	Liu Cộng	(- -)
		Ú Xáng Ú Liu	(CỘNG)	Xề Cộng Liu	(Ú)
Lớp II :	9 -	Liu Oan Xề Oan	(LIU)	Liu Oan	(LIU)
(Dây Hò Nhì)		Lỉu Liu Oan	(XỀ)	Hò Xề Lỉu Liu	(OAN)
	10 -	Oan Oan Liu	(XỀ)	Lỉu Liu Oan	(- -)
		Hò Líu Oán	(XÊ)	Xảng Xang Xư	(HÒ)
	11 -	Hò Xê Liu	(- -)	Xang Xư Hò	(- -)
		Xư Hò Xang Xê	(LIU)	Líu Cống Xê	(XANG)
	12 -	Xảng Xang Xư	(HÒ)	Xế Xang	(- -)
		Hò Xư Xang	(XÊ)	Líu Xê Xang Xư	(HÒ)
	13 -	Xang Líu	(XỪ)	Xảng Xê	(- -)
		Hò Xư Xang	(XÊ)	Líu Xê Xang Xư	(HÒ)
	14 -	Hò Xự Xang	(XÊ)	Líu Xê Tồn Xang	(XƯ)
		Xư Xế Xang Xư	(HÒ)	Tồn Xế Xang Xư	(XANG)
	15 -	Xảng Xang Xư	(XANG)	Hò Xế Xang	(- -)
		Hò Xư Xang	(XÊ)	Líu Xê Xang Xư	(HÒ)
	16 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XỀ)
		Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oan	(LIU)
Lớp III :	17 -	Cồng Xê Xang	(Xừ)	Xang Xê Cống	(Xừ)
(Dây Hò Ba)		Cống Xê Xang	(XỪ)	Xừ Xang Xê Líu	(CỐNG)
	18 -	Cống Xê Xang	(XỪ)	Xừ Xang Xê Líu	(CỐNG)
		Xừ Xang Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang Líu	(XỪ)
	19 -	Cống Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
		Cống Xừ Xang	(XÊ)	Xang Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

NGŨ CHÂU MINH PHỔ
Thú Cầm Ca

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

Lớp I :
(Dây Hò 1 Bắc)

1 - (- -) Lắng (tai)
Nghe (bài) Lưu Thủy thanh (cao)
2 - Ngày xưa (- -) cung phím (- -)
Tiền nhân truyền (lại) con cháu noi (theo)
3 - Cầm (ca) trỗi (điệu)
Nhịp nhàng (- -) khoang thai thánh (thót)
4 - Cùng (nhau) so dây bắt (nhịp)
Ta họp mặt (- -) vui thú cầm (ca)
5 - Mặc cho (- -) nhân thế (- -)
Đảo điên lừa (lọc) đổi trắng thay (đen)
6- Ta (vẫn) họp bạn thân (quen)
Quên việc (đời) quên cả thời (gian)
7 - (- -) Ba (Nam)
Nối theo (- -) chuyển cung êm (dịu)
8 - Năm cung (đàn) ra trăm điệu (- -)
Không gian lắng (đọng) dìu dặt âm (thanh)

Lớp II :
(Dây Hò 2 Oán)

9 - (- -) Những (khi)
Thảm (sầu) trỗi điệu Nam (Ai)
10 - Nghe u (hoài) đắng cay (- -)
Tưởng (như) trăm nỗi đoạn (trường)
11 - Ai thấu (- -) ai tường (- -)
Qua những (khúc) âm điệu thê (lương)
12 - Nghe lạnh (lùng) gió sương (- -)
Nỗi sầu (bi) vương vấn tâm (hồn)
13 - Đất trời (cũng) héo hon (- -)
Tình khúc quê (hương) có những vui (buồn)
14 - Để cho (ta) giải bày tâm (sự)
Để nỗi (niềm) thương nhớ nhớ (thương)
15 - Nước non trải (mấy) ngàn năm (- -)
Thăng trầm biến (đổi) vinh nhục đủ (đầy)
16 - Ai (nghe) cung điệu u (buồn)
Mà không động (lòng) yêu nước yêu (non)

Lớp III :
(Dây Hò 3 Hạ)

17 - (- -) Đổi (buồn)
Giải cung (sầu) trở qua Nam (Đảo)
18 - Âm điệu (buồn) chuyển sang huyên (náo)
Ơi quê (hương) giai điệu chan (hòa)
19 - Lẫn tiếng (đờn) tiếng nhịp song (lang)
Gặp nhau (đây) trỗi điệu ca (xang)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	20 -	Xừ Xang Cống Líu (XÊ)	Cống Xê Xang Xự (HÒ)	
		Ú Xáng Ú Liu (CỒNG)	Liu Xề Tồn Cộng (LIU)	
	21 -	Ú Xàng Ú Liu (CỒNG)	Liu Xề Ú (- -)	
		Ú Xáng Xế Xáng (LIU)	Ú Liu Cộng Liu (XỀ)	
	22 -	Xang Xê (CỐNG)	Líu Cống Xê (XANG)	
		Xừ Xang Cống Líu (XÊ)	Cống Xê Xang Líu (XỰ)	
	23 -	Cống Xê Xang (XỪ)	Xang Xê Líu (CỐNG)	
		Cống Xừ Xang (CỐNG)	Ú Liu Cống Xê (XANG)	
	24 -	Xừ Xang (CỐNG)	Ú Liu Cống Xê (XANG)	
		Cống Xê (XANG)	Cống Líu Xê (- -)	
Lớp IV :	25 -	Xê Xang Xư (HÒ)	Tồn (LIU)	
(Dây Hò Tư, Ai Oán)		Liu Phan Liu (- -)	Xế Xáng Ú Liu (PHAN)	
	26 -	Liu Phạn Liu (XỀ)	Ú Liu Phạn (- -)	
		Phan Xề Phan (LIU)	Xáng Liu (- -)	
	27 -	Xề Xàng Xừ (LIU)	Xang Xê (XỂ)	
		Họ Xế Xang (XỪ)	Xế Xừ Xang (XÊ)	
	28 -	Líu Xứ (LIU)	Xế Xáng Xứ (LIU)	
		Liu Oan Xề Oan (LIU)	Hò Liu Xế Xáng (LỊU)	"Xự"
	29 -	Liu Xế Xảng Xư (XANG)	Xế Xế (XANG)	
		Xừ Xảng Xang (- -)	Xảng Xê Xang (XỰ)	
	30 -	Xự Xảng Xê (- -)	Hò Xang Xự (- -)	
		Xư Họ Xê Líu (HÒ)	Hò Phàn Hò (- -)	
	31 -	Xê Xang Xư (LIU)	Xáng Ú Liu (PHAN)	
		Liu Phan Liu (- -)	Phan Lỉu Liu Phan (XỀ)	
	32 -	Liu Xừ Liu (- -)	Phan Liu Xề (- -)	
		Liu Phan Liu Phan (XỀ)	Xư Hò Xề Xư (LIU)	
Lớp V :	33 -	Tồn Ú Liu Cộng Liu (XỀ)	Tồn (XỀ)	
(Hồi cung dây Hò 1		Liu Ú Liu (CỘNG)	Xàng Ú Liu Cộng (XỀ)	
Bắc)	34 -	Xàng Xề Liu Cộng (- -)	Tồn Cộng Liu Xề (- -)	
		Ú Líu Ú Xáng (XỀ)	Tồn Xề Cộng (LIU)	
	35 -	Tồn Liu Ú Xáng (LIU)	Tồn Ú Liu (CỘNG)	
		Xàng Ú Liu (- -)	Cộng Tồn Liu (Ú)	
	36 -	Xáng Xáng (PHÀN)	Phàn Liu Ú (- -)	
		Ú Xế Xáng (Ú)	Liu Phạn Xáng (LIU)	
	37 -	Tồn Liu Ú Xáng (LIU)	Tồn Ú Liu (CỘNG)	
		Liu Ú Ú Liu (CỘNG)	Tồn Cộng Liu (XỀ)	
	38 -	Xề Liu Cộng (- -)	Liu Xề (- -)	
		Cống Xê Cống Líu (XÊ)	Cống Líu Xê Xang (XỰ)	
	39 -	Xự Hò Xê Xang (XỰ)	Là (HÒ)	
		Xê Xang (HÒ)	Tồn Hò Xự (XANG)	

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 - Ca Bắc ca (Nam) ta quên chuyện (đời)
Quên phiền (muộn) và nỗi ưu (tư)
21 - Đời chỉ đẹp khi (còn) tiếng ca (- -)
Tiếng cung (thương) tiếng nhịp đề (huề)
22 - Tình (nghĩa) còn đến mai (sau)
Những phút (giây) bằng hữu tương (phùng)
23 - Mai (nầy) dẫu cho xa (cách)
Ta nhớ (những) ngày ấy tâm (giao)
24 - Nhớ chú (bác) và nhớ anh (em)
Nhớ tiếng (đờn) tiếng ca (- -)

<u>Lớp IV</u> :
(Dây Hò Tư)

25 - (- -) Còn (như)
Trong (- -) nghiệp cầm (ca)
26 - Cũng có những (điều) xót xa (- -)
Nhiều cảnh trái (ngang) đẩy đưa (- -)
27 - (- -) Đời nghệ (sĩ)
Khi tủi (nhục) khi vinh (quang)
28 - Lúc khổ (cực) lúc giàu (sang)
Nhiều hân (hoan) cũng nhiều bi (lụy)
29 - (- -) Rồi (khi)
Đến lúc (- -) tiếng tăm mai (một)
30 - Da nhăn (- -) tóc bạc (- -)
Ai có (còn) nhớ ai (- -)
31 - (- -) Phấn (son)
Điểm tô (- -) che khuất da (mồi)
32 - Che khuất (- -) da mồi (- -)
Lệ thảm tuôn (tràn) lạt phấn phai (son)

<u>Lớp V</u> :
(Dây Hò Nhứt)

33 - (- -) Sau những (ngày)
Chật vật (- -) sinh kế sinh (tồn)
34 - Sinh kế (- -) sinh tồn (- -)
Ta chỉ (còn) một thú cầm (ca)
35 - (- -) Gát (lại)
Vui buồn gát (lại) sau tiếng song (lang)
36 - Sau tiếng (- -) song lang (- -)
Anh với (tôi) quên chuyện thế (gian)
37 - (- -) Tiếng (nhạc)
Đã xô (giạt) tâm sự ê chề (- -)
38 - Ôi ! Những tâm (sự) ê chề (- -)
Ngày hôm (nay) ta vui đoàn (tụ)
39 - (- -) Trên (đời)
Cuộc thăng (trầm) ai đã hơn (ai)

Digitized by www.namkyluctinh.org

40 -	Cống Hò Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

(Sáng tác của cố nhạc sĩ Nguyễn Văn Thinh ngày 16-7-1979 để ứng đáp với bản Tứ Bửu Liêu Thành của cố nhạc sĩ Ba Chột (Bạc Liêu).

6 - NAM ÂM NGŨ KHÚC

(40 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(XỀ)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Tồn Oan	(LIU)
	2 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(XỀ)
		Liu Tồn Oan	(LIU)	Liu Xáng Xế	(XÀNG)
	3 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(XỀ)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Tồn Oan	(LIU)
	4 -	Cống Xê Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xế	(XANG)
		Xảng Xang Tồn	(HÒ)	Líu Cống Xê	(XANG)
	5 -	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Cống Xê Xang	(XƯ)
		Xảng Xang Tồn	(HÒ)	Líu Cống Xê	(XANG)
	6 -	Tồn	(XÊ)	Xế Xang Xư	(XỀ)
		Liu Tồn Oan	(LIU)	Liu Xáng Xế	(XÀNG)
	7 -	Tồn	(XÊ)	Líu Cống Xê Xang	(XƯ)
		Xư Xư Tồn	(HÒ)	Líu Cống Xê	(XANG)
	8 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xê Tồn	(HÒ)
		Hò Liu Oan	(XỀ)	Liu Tồn Oan	(LIU)
Lớp II :	9 -	Liu	(PHAN)	Phan	(- -)
		Phan Lỉu	(- -)	Lỉu Liu	(PHAN)
	10 -	Phan Lỉu	(- -)	Liu Xề	(- -)
		Tồn Xề Phan	(LỈU)	Lỉu Liu	(- -)
	11 -	Liu	(XỀ)	Xàng Xề Phan	(LIU)
		Liu Xề Phan	(LỈU)	Lỉu Lỉu Xáng	(LIU)
	12 -	Liu	(XỀ)	Lỉu Liu Phan	(XÀNG)
		Xang Xê	(HÒ)	Hò Liu	(- -)
	13 -	Tồn	(LIU)	Liu	(- -)
		Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XÀNG)
	14 -	Xang Xể	(- -)	Xê Xàng	(- -)
		Xang Xê	(HÒ)	Hò Liu	(- -)
	15 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(XỀ)
		Xề Tồn Oan	(LIU)	Liu Lỉu Xể Xê	(XÀNG)
	16 -	Xang Xế	(- -)	Xế Xảng Xang	(HÒ)
		Líu Líu	(XỀ)	Xê Xang	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

40 - Hãy nghe âm (thanh) trùng điệp (- -)
Dây thân (ái) cùng giữ đến mai (sau)

NAM ÂM NGŨ KHÚC
Nguyễn Trãi bình Ngô

Soạn lời : Ông Giáo Thinh

Lớp I :

1 - Nam (Quan) di hận muôn (đời)
Tiển cha Nguyễn (Trãi) rối bời tâm (tư)
2 - Ôi ! Không (ngăn) lệ thảm tươm (tràn)
Vâng lời sắt (son) chí quyết báo (thù)
3 - Nguyễn gắn (ghi) giải phóng sơn (hà)
Phá tung xiềng (xích) gông cùm quân (Minh)
4 - Diệt man (rợ) ác độc hung (hăng)
Hiếp đáp dân (lành) dẫm nát giang (san)
5 - Đìu hiu rừng (núi) vượn hú ve (ngâm)
Biên ải hửng (hờ) trong phút chia (ly)
6 - Kẻ ở người (đi) sầu tủi âm (thầm)
Xao xuyến tâm (can) lụy hận tuôn (tràn)
7 - Miên man nghĩ (suy) trăm mối đắn (đo)
Nợ nước thù (nhà) nặng lòng hiếu (nhi)
8 - Quyết chí bền (tâm) quan sát địch (tình)
Chờ lúc phục (thù) hả dạ trượng (phu)

Lớp II :

9 - Khắp Đông (Quan) giặc Minh (- -)
Chiếm đóng (- -) lập đại bản (doanh)
10 - Hiếp bức (- -) dân lành (- -)
Tàn bạo lũ (quỷ) hôi tanh (- -)
11 - Nguyễn (Trãi) nghiền ngẫm kế (mưu)
Cùng Trần Nguyên (Hản) đồng chí sắt (đanh)
12 - Đêm (ngày) chẳng ngớt lo (lường)
Giải cứu đồng (bào) nhân sanh (- -)
13 - Sót (thương) dân Nam (- -)
Chịu nhiều đau (khổ) nhà cửa tan (tành)
14 - Vì bè lũ (- -) bọn hung tàn (- -)
Đám giặc (loàn) vây quanh (- -)
15 - Tham (tàn) bóc lột bạo (hành)
Dân ta cừu (chất) báo oán sẵn (dành)
16 - Sức yếu (- -) phận mỏng (mành)
Chờ người che (chở) vuốt nanh (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp III :	17 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Xệ	(- -)
		Liu Liu	(- -)	Liu Xề Phan	(LIU)
	18 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Liu	(XÀNG)	Xề Liu	(- -)
	19 -	Tồn	(LIU)	Liu Liu	(LỈU)
		Lỉu Lỉu Liu	(XÀNG)	Xàng Xệ Xê	(XÀNG)
	20 -	Xê	(XANG)	Xang	(- -)
		Xang Xang	(XẾ)	Xế Liu	(- -)
	21 -	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(- -)
		Lỉu Xáng	(LIU)	Lỉu Liu Phan	(XÀNG)
	22 -	Xàng Xệ	(- -)	Phan Xàng	(- -)
		Liu Phan	(XỆ)	Xề Liu	(- -)
	23 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Phan	(XỀ)
		Xề Tồn	(XỀ)	Xế Xang Xư	(HÒ)
	24 -	Xế Xế	(XÁNG)	Xáng Xáng	(XẢNG)
		Xảng Xảng	(XÁNG)	Xáng Xàng	(- -)
Lớp IV :	25 -	Xế	(XANG)	Xang Xư	(XANG)
		Xang Lỉu Liu	(XỀ)	Xàng Xề Phan	(LIU)
	26 -	Liu Ú	(- -)	Xáng Xề	(- -)
		Ú Xáng	(XỀ)	Phan Liu	(- -)
	27 -	Tồn	(LIU)	Liu Xề Phan	(LIU)
		Liu Ú Xáng	(XỀ)	Xề Ú Xáng	(XỀ)
	28 -	Xề Ú Liu	(PHAN)	Phan Liu Phan	(XỀ)
		Xề Phan Liu Phan	(XỀ)	Phan Liu	(- -)
	29 -	Tồn	(LIU)	Liu Ú	(- -)
		Ú Liu	(- -)	Liu Liu Liu Phan	(XỆ)
	30 -	Xệ Ú Liu Phan	(XỀ)	Xề Xề	(- -)
		Liu Ú Liu Phan	(XỀ)	Phan Ú	(- -)
	31 -	Ú Xáng	(XỀ)	Xề Phan	(Ú)
		Xế Xáng	(Ú)	Xề Ú Liu	(PHAN)
	32 -	Phan Xế Xáng	(Ú)	Xề Xáng Ú Liu	(PHAN)
		Xê Phán Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò Xê	(- -)
Lớp V :	33 -	Tồn	(Ú)	Xáng U Liu	(CỘNG)
(Hơi Bắc chuyển		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
dây từ Hò 4	34 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cổng	(- -)
sang Hò Nhứt)		Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XỀ)
	35 -	Tồn	(Ú)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	36 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
		Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp III :

17 - Đây (rồi) có Lê Lợi (- -)
Chốn Lam Sơn (- -) chiêu mộ nghĩa (binh)
18 - Chí lớn (- -) kiên cường (- -)
Quyết cứu sơn (hà) sanh linh (- -)
19 - Tìm chơn (chúa) đôi chí (sĩ)
Trần Nguyễn lên (đường) hiến thân (mình)
20 - Đem lược (thao) tài kinh luân (- -)
Đương đầu (chống) quân Minh (- -)
21 - Dẫu chiến (khu) gian khổ (- -)
Mà nghĩa (binh) tranh đấu tận (tình)
22 - Một dạ (- -) sát thù (- -)
Anh hùng hào (kiệt) kiên trinh (- -)
23 - Quân (ta) khí thế hào (hùng)
Kẻ địch lần (hồi) thua kém nan (kình)
24 - Khắp (chốn) bọn chúng tan (rã)
Quăng gươm (giáo) ẩn mình (- -)

Lớp IV :

25 - Nguyễn (quân) có Nguyễn tiên (sinh)
Cổ súy tận (tình) đều hăng (say)
26 - Hùng dũng (- -) bực chí tài (- -)
Lấp biển vá (trời) thua ai (- -)
27 - Suốt mười (năm) trì chí kiên (tâm)
Chiến đấu không (ngừng) chi quản đêm (ngày)
28 - Cơ (mưu) thần diệu sắp (bày)
Quân giặc hết (đường) rút ngay (- -)
29 - Chiến sĩ (ta) đồng một dạ (- -)
Sắt son (- -) công đồn hảm (trại)
30 - Diệt quân (thù) giặc xâm loàn (- -)
Thi thố ý (đồ) quỷ quái (- -)
31 - Minh (triều) Vương tướng (soái)
Rút quân cuốn (vó) ôm hận ai (hoài)
32 - Tưng bừng hoa (nở) rực rỡ thay (là)
Chiến tích Nguyễn (Trãi) huy hoàng thay (- -)

Lớp V :

33 - Từ (đây) thanh bình trở (lại)
Giải phóng Thăng (Long) nhờ đấng anh (tài)
34 - Sơn (hà) đà tươi sáng (- -)
Cảnh tối (tăm) đã vén (màn)
35 - Toàn (dân) ngợi ca độc (lập)
Tổ quốc từ (nay) sạch bóng quân (thù)
36 - Khắp thị (thành) chí thôn quê (- -)
Tưng bừng trỗi (vang) khúc Bình Ngô (Ca)

Digitized by www.namkyluctinh.org

37 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
38 -	Cống Xê Xang	(XỪ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
39 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Ú Liu	(XỀ)	Cộng Xáng Xàng	(LIU)
40 -	Xế Xáng	(PHẠN)	Liu Ú	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xề Phạn Liu	(Ú)

(Cố nhạc sĩ Nguyễn Văn Thinh sáng tác năm 1980).

7 - NGŨ CUNG LUÂN HOÁN

(30 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -	Xế	(XANG)	Xang Hò	(- -)
(Hơi Xuân)		Liu Xệ	(- -)	Xề Tồn	(XANG)
	2 -	Xảng Xang Hò	(- -)	Hò Xang	(- -)
		Xang Xang	(XẢNG)	Xang Hò	(- -)
	3 -	Xế Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	4 -	Liu Xệ	(- -)	Xàng Liu	(- -)
		Liu Xáng	(XÀNG)	Tồn Xang	(- -)
	5 -	Xế Xáng	(Ú)	Tồn Ú Liu	(PHAN)
		Phan Ú	(- -)	Xáng Ú Liu	(PHAN)
	6 -	Phan Ú	(- -)	Xảng Xang Hò	(- -)
		Ú Liu	(PHAN)	Xang Liu	(- -)
	7 -	Tồn	(LIU)	Liu	(- -)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Xang Xang	(XẾ)
	8 -	Xế Xể	(- -)	Liu Xàng	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Xề Xang	(- -)
	9 -	Xế	(XANG)	Xáng Ú Liu	(PHAN)
		Phan Ú	(- -)	Ú Xảng Xang	(HÒ)
	10 -	Liu	(XỀ)	Tồn Xề Phan	(LIU)
		Xáng Ú Liu	(PHAN)	Phan Liu	(- -)
Lớp II :	11 -	Tồn	(LIU)	Liu Xế Xáng	(LIU)
(Hơi Ai)		Tồn Xế	(XẢNG)	Xảng Xang Tồn	(HÒ)
	12 -	Liu Xệ	(- -)	Tồn Xang	(- -)
		Xảng Xang	(HÒ)	Tồn Hò	(- -)
	13 -	Xế Xang	(HÒ)	Hò Tồn	(XANG)
		Xang Xể	(- -)	Xể Xang Tồn	(HÒ)
	14 -	Liu Lỉu	(- -)	Liu Phạn	(- -)
		Phạn Liu Liu	(LỈU)	Lỉu Liu Phạn	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

37 - Đây (đó) cảnh vật đổi (màu)
Đua nở ngàn (hoa) rực rở tươi (xinh)
38 - Hân hoan chào (mừng) anh hùng chí (sĩ)
Tưởng niệm ghi (ơn) người đã hy (sinh)
39 - Đem xương (máu) xây đắp sơn (hà)
Danh lưu muôn (đời) chẳng hề (quên)
40 - Khôi (phục) giang sơn (- -)
Công lao Nguyễn (Trãi) ghi mãi sử (xanh)

NGŨ CUNG LUÂN HOÁN
Anh hùng dân tộc

Soạn lời : Nguyễn Văn Thinh

Lớp I :

1 - Suy (ra) ta tự hào (- -)
Với sự nghiệp (- -) Nguyễn Trãi tiên (sinh)
2 - Đấng anh hùng (- -) có kỳ công (- -)
Quyết quên (mình) lũ ngạc kình (- -)
3 - Giải phóng cõi (bờ) khử trừ xâm (lăng)
Thôn tính (- -) nước non (mình)
4 - Mưu mẹo (- -) phạt hồ (- -)
Với ý (đồ) ký sinh (- -)
5 - Lại (ức) hiếp lương (dân)
Trạng huống (- -) bất an (ninh)
6 - Chao đảo (- -) dân tình (- -)
Khiến sinh (hoạt) điêu linh (- -)
7 - Nguyễn tiên (sinh) quyết tâm (- -)
Lòng nung (nấu) hằng toan (tính)
8 - Đánh đuổi (- -) bạo tàn (- -)
Lập cuộc (đời) phồn vinh (- -)
9 - Sục sôi (- -) bao oán (hận)
Thề quyết (- -) tạo thanh (bình)
10 - Cứu giống (nòi) đem tài (năng)
Quét (sạch) giặc Minh (- -)

Lớp II :

11 - Thương người (xưa) lòng vì non (sông)
Nghĩa nhân đầy (đủ) trí dũng dồi (dào)
12 - Dạ (- -) đinh ninh (- -)
Thề chẳng sống (cùng) giặc thù nào (- -)
13 - Trước lo (tìm) cho (ra)
Phương hướng (- -) tập hợp đồng (bào)
14 - Hoài bảo (- -) thiết tha (- -)
Tìm được (đấng) tài cao (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	15 -	Liu	(XỀ)	Tồn Xề Phan	(LIU)
		Liu Liu	(LỈU)	Lỉu Xế Xáng	(LIU)
	16 -	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cổng Xê	(XÀNG)
		Liu Xệ	(- -)	Xề Liu	(- -)
	17 -	Tồn	(LIU)	Liu	(- -)
		Liu Xàng Xề	(LIU)	Liu Cổng Xê	(XÀNG)
	18 -	Xàng Xệ	(- -)	Xê Xàng	(- -)
		Liu Liu	(XÀNG)	Tồn Xang	(- -)
	19 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(XỆ)
		Xệ Liu	(- -)	Liu Xế Xang	(HÒ)
	20 -	Xang Xế	(- -)	Xế Xàng	(- -)
		Xang Xang	(XẾ)	Xế Xề Liu	(- -)
Lớp III :	21 -	Liu	(PHÀN)	Phàn Ú Xáng	(XỀ)
(Hơi Đảo)		Phạn Liu	(- -)	Liu Xề Phan	(Ú)
	22 -	Ú Xáng Xề	(- -)	Phạn Ú	(- -)
		Ú Xế Xáng	(LIU)	Phan Xề	(- -)
	23 -	Liu Phan	(XỀ)	Xàng Xề Phạn	(LIU)
		Phạn Ú	(- -)	Xế Xáng Ú	(LIU)
	24 -	Liu Xề Phan	(Ú)	Xề Ú Liu	(PHAN)
		Phan Liu Ú Liu	(PHAN)	Phan Phan Ú	(- -)
	25 -	Tồn	(Ú)	Xế Xáng	(Ú)
		Ú Xề Phan	(Ú)	Ú Liu Phan	(XỀ)
	26 -	Xang Xề	(- -)	Liu Phan Xề	(- -)
		Ú Liu	(XỀ)	Xàng Liu	(- -)
	27 -	Tồn	(LIU)	Liu Liu Phan	(LIU)
		Liu Liu	(LIU)	Lỉu Liu Phan	(XỀ)
	28 -	Xàng Xề	(- -)	Liu Phan Xề	(- -)
		Xề Liu Phan	(XỀ)	Phan Ú	(- -)
	29 -	Ú Xáng	(XỀ)	Xê Xáng	(Ú)
		Xề Xế Xáng	(Ú)	Xề Xáng Ú Liu	(PHAN)
	30 -	Phan Liu	(Ú)	Xế Xáng Ú Liu	(PHAN)
		Ú Xáng Ú Liu	(PHAN)	Phàn Xế	(- -)

(Cố nhạc sĩ Nguyễn Văn Thinh sáng tác ngày19-8-1980).

8 -KHÚC HẬN NAM QUAN

(Dây Quả Phụ, 25 câu nhịp 8 chuyển nhịp tư)

(Điệu Oán)	1 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Ú Liu	(OAN)
		Oan Oan	(LỈU)	Liu	(- -)
		Oan Oan	(- -)	Xề Liu Oan	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

15 - Chí kiên (trì) thôi thúc lòng (dân)
Xây nền (tảng) cho mai (sau)
16 - Đem nhân (đạo) chống bạo (tàn)
Chính nghĩa (- -) đề cao (- -)
17 - Quyết xả (thân) hy sinh (- -)
Dẫu gian (lao) nguy hiểm thế (nào)
18 - Không giao động (- -) cùng một đường (- -)
Quyết kết (đoàn) khít khao (- -)
19 - Rỡ (ràng) trang sử (Việt)
Ngàn năm (- -) lưu tiếng anh (hào)
20 - Dù gia biến (- -) dù quốc nàn (- -)
Tấm lòng (sáng) tợ sao (- -)

<u>Lớp III</u> :

21 - Với tay (âu) khôi phục nước (nhà)
Mà xâm (lăng) cam cuốn (gói)
22 - Khiếp hồn (- -) mất vía (- -)
Lũ quân (Minh) rụng rời (- -)
23 - Chúng giành (đường) rút tháo (lui)
Chen lấn (- -) hàng ngũ tả (tơi)
24 - Đáng (kiếp) lũ xâm (lăng)
Chỉ âm (mưu) gian dối (- -)
25 - Với chánh (sách) quá hà (khắc)
Chém (giết) chi kể đạo (đời)
26 - Nhờ (- -) có người (- -)
Vững lái (thuyền) vượt khơi (- -)
27 - Cứu (tinh) Nguyễn tiên (sinh)
Khống chế ác (quân) gây cảnh rối (bời)
28 - Tài tình (- -) bứt xích xiềng (- -)
Phá ngạc (kình) đen tối (- -)
29 - Từ (rày) giang sơn gấm (vóc)
Rỡ ràng tươi (sáng) nhàn thích thảnh (thơi)
30 - Nào (thấy) bóng dáng quân (Minh)
Lùng bắt lương (dân) mồ côi (- -)

KHÚC HẬN NAM QUAN

Soạn lời : Năm Vinh

1 - (- -) (- -)
(- -) Nam (Quan)
(- -) (- -)
Ôi (- -) Nam (Quan)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	2 -	Hò Ý Xế Oan	(LIU)	Xề Liu (XANG)
		Xê Líu	(XỀ)	Cống Xê (XẠNG)
		Xang Y	(XỀ)	Lịu (- -)
		Xảng Xang Liu Oan	(XỀ)	(- -)
	3 -	Xảng Xang Y	(HÒ)	Oan Hò Ỷ Xang (XÊ)
		Xê	(- -)	Lìu Hò Xê Ỳ (XANG)
		Xê Cống Xê	(XẢNG)	Xang (XANG)
		Xề	(XẾ)	Xê Xang Xề (HÒ)
	4 -	Y Hò Y	(XANG)	Xê Oan Líu (- -)
		Hò Líu Oán Xế	(XỀ)	Xế (- -)
		U U Ho	(U)	Xê Xang U Liu (OAN)
		LiuXềOanULiuOan	(XỀ)	OanHòÝXềLiuOan (LIU)
	5 -	Ỳ Oan Ý Ỳ	(LIU)	Oan Xảng Xang Y (HÒ)
		Hò	(- -)	LiuOan Oan (LIU)
		Liu Liu	(- -)	Xề Xáng Ú Liu (OAN)
		Oan Xạng	(- -)	Xê Xàng Xừ (LIU)
(Biến giọng)	6 -	Liu Ý	(XỀ)	Xê (- -)
		Y Oan Liu	(Ủ)	U (- -)
		XêXangOánXêXang	(Ù)	XangXêXangHòOàn (XÊ)
		Xề Xê Xang Ủ	(Ý)	U Oàn Ý U (LIU)
	7 -	Liu Ú Xề	(- -)	OanXềOanÚXêXang(HỌ)
		Ho	(- -)	Líu Liu Oan (LIU)
		Liu Liu Liu	(- -)	Oản Oan (LIU)
		Hò Liu Oan	(XÊ)	Oan Ỳ Xê Liu Oan (LIU)
	8 -	Hò LiuOán	(XỀ)	Xế (- -)
		Oán Xế Xê Xạng	(XẾ)	Xê (- -)
		Ỳ Ỳ Ỳ Ỳ	(XANG)	Xể Xế Xê Xang Xê (HÒ)
		HòYXêOanLíuOan	(XÀNG)	Xàng Y Hò (LIU)
	9 -	ÝOan Líu	(Ỳ)	Liu Oan Xang Y (HÒ)
		Hò	(- -)	Hò Hò (XÊ)
		Xề Xê Xang	(XỀ)	Xê (- -)
		Xảng Xang	(- -)	Ỳ Xang (XÊ)
	10 -	Xê	(OAN)	LiuOanXêOanXang (XÊ)
		Xê Xang	(Ỳ)	Xang Xê Xang Ỳ (XANG)
		Xê Xang Ý	(LIU)	Oan Xề (- -)
		XềOanUXángULiu	(OAN)	Liu Xề Ỳ Xang (XÊ)
	11 -	Oan Liu Hò Liu Oan	(Y)	Oán Hò Ý Xang (XỀ)
		Xê	(- -)	Lỉu Líu Liu (OAN)
		Oan Oan Oan	(- -)	Líu Oán (XÊ)
		Oán Xang Xê	(LÍU)	XêOanLiuOanXang (XÊ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 - (- -) (Ai)
Gây (cảnh) ly (tan)
Cho (thù) hận (- -)
Ngập (tràn) (- -)

3 - (- -) (- -)
Giặc (- -) (Minh)
Xâm (lăng) (- -)
Dã (man) bạo (tàn)

4- (Dày) xéo (- -)
Giang (san) (- -)
(Gieo) rắc tóc (tang)
Nhân dân (mình) lầm (than)

5 - (- -) (- -)
(- -) Nam (quan)
(- -) Biên (cương)
Lạnh (lùng) thê (lương)

6- (Đồi) núi (-)
Phũ mờ (sương) (- -)
Như đổ (lệ) sầu (thương)
Tiển (đưa) người ly (hương)

7- (- -) (- -)
(- -) (Thôi)
Thôi (- -) con (ôi)
Hãy (ngăn) giọt chia (ly)

8 - (Thở) than (- -)
(Mà) chi (- -)
Thân (cha) có quản (gì)
Khi tổ (quốc) bị lâm (nguy)

9- (- -) (- -)
Về (- -) (đi)
Về (đi) (- -)
Con ôi (- -) về (đi)

10 - (Mang) chí cả nam (nhi)
Ra (gánh) vác non (sông)
Cứu (vớt) giống dòng (- -)
(Thoát) cảnh nô (vong)

11 - (- -) (- -)
(- -) Có nghe (chăng)
(- -) Tiếng oán (than)
Rên (siết) của dân (ta)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	12 -	Xê Xê Xê (- -)	Xang Xê Xang Ỳ (XANG)
		XêXangOánXêXang (Ỳ)	Xang Xê Xang Y (XANG)
		Xê Xang Y (HO)	Oan Xề (- -)
		XềOanÚXangÚLiu(OAN)	Liu Xề Oan Liu (Ú)
	13 -	Xang Xê Xang (XỀ)	Oan Ho Xê Xang (Ủ)
		U (- -)	XêXangÙHòÙXang (XÊ)
		Oan Líu Oan (XỀ)	Xế Xê (- -)
		Xề Xê Xang (- -)	Ỵ Ỳ Xang (LÌU)
(Bắc Hò Ba)	14 -	(- -)	Cồng Liu Xề (Ú)
		Cồng Liu Ú Xề Ú (- -)	XừXagXêCốgXagXê(CỐNG)
		XừCồgLiuÚXừÚLiu(CỐNG)	LíuXangXêCốngLíu (XÊ)
		Xế Xáng Ú Ho (XỀ)	Xề Ho Cồng HoHo Xê (Ú)
(Trường canh	15 -	(- -)	U (U)
ngắn)		(- -)	Liu (U)
		Xang (XÊ)	Cống Xê (U)
		Ho Cộng (- -)	Ho Xề (Ú)
	16 -	Xang Xang (XANG)	Cống Xê Xang (HÒ)
		XềCốngCồngXê (XÀNG)	XêXàngXêCồngXềCồgLiu(Ú)
	17 -	XừXagCôgXừCồgLiu (Ú)	Xề (Ú)
		CốngLíuCốngXê (XANG)	Xê Cống Líu (XÊ)
	18 -	Liu Ý U Liu (PHAN)	Liu Phan Liu (XÀNG)
		Xàng Xàng Xáng (- -)	XángXàngLiuXàgLiu(- -)
	19 -	Xư Xàng Xề Phan (LIU)	Hò Xừ Xàng (XÊ)
		Xê Xàng Liu (- -)	PhanLiuPhanLiu (XÀNG)
	20 -	Xàng Xàng Ú (- -)	Líu Cống Líu Hò (- -)
		Cống Xang Xự Xang(HÒ)	Xang Xê Cống Xang (XÊ)
	21 -	Cống Xang Xê (- -)	Ú Liu CổngLíu (XÊ)
		Xê Xê Xê (- -)	Phan Liu Ú Phan (LIU)
	22 -	Phan Ú Liu (- -)	Cống Xê Xang (HÒ)
		Xê Xang Xư Ho (CỘNG)	Phan Cồng (- -)
	23 -	Xư Cồng Liu (Ú)	Xê Xang Líu (CỐNG)
		Phan Phan Phan (CỔNG)	ÚLiuCồngXừCồngLiu (Ú)
	24 -	Xứ Xừ Ú Xừ Ú (- -)	Líu Cổng Líu (XÊ)
		Xang Xự Xang (HÒ)	XangXểCốngXê (XANG)
	25 -	Ý Xư Ho (CỘNG)	Ho Xề (- -)
		Xang Xê U Liu (CỘNG)	Liu Xừ Cồng Liu (Ú)

Nhạc sĩ Năm Vinh sáng tác (Kỷ niệm 600 năm Nguyễn Trãi)

Digitized by www.namkyluctinh.org

12 - Tiếng (- -) núi (sông)
Đang (giục) giã thiết (tha)
Gọi (- -) người (- -)
Dũng (sĩ) xông (pha)
13 - (- -) (- -)
(- -) (Rửa)
(Cho) nước (- -)
Trả (- -) hận cho (nhà)
14 - (- -) (- -)
(- -) (- -)
(- -) (- -)
(- -) (- -)
15 - (- -) Cha (ôi)
(- -) Lòng (con)
Chồng (chất) thù (căm)
Giặc (- -) ngoại (xâm)
16 - Xâm (chiếm) quê hương (mình)
Dân (tình) thống khổ điêu (linh)
17 - (- -) Làm (sao)
Con (không) tan nát tâm (can)
18 - Cốt (nhục) rẽ chia đôi (đàng)
Dạ trẻ (- -) nào an (- -)
19 - (- -) Lời dạy của (cha)
Là bài học (- -) đẹp tuyệt (vời)
20 - Là chân lý (- -) sáng ngời (- -)
Hiến trọn (đời) cho nước cho (dân)
21 - (- -) Nén đau (thương)
Con (- -) giả biệt phụ (thân)
22 - Lạy (- -) cha (già)
Con trở (lại) quê nhà (- -)
23 - Cùng đồng (bào) đắng cay chia (xẻ)
Đáp (lời) sông (núi)
24 - Đoàn (- -) kết một (lòng)
Quét sạch quân (thù) ra khỏi biên (cương)
25 - Xây dựng (lại) thanh bình (- -)
Cho (rạng) rở quê (hương)

Digitized by www.namkyluctinh.org

9 - NGŨ KHÚC LONG PHI

(30 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Khúc I :	1 -		(- -)	Cống Xê Xang	(HÒ)
(Điệu Bắc		Xang Xê	(- -)	Cống Xê Xang Líu	(XỪ)
dây Hò 4)	2 -	Cống Xê Líu	(XỪ)	Tồn	(Ú)
		Xế Xáng	(- -)	Cộng Ú Xáng	(LIU)
	3 -	Xáng Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cộng Xê	(XANG)
		Xang Cống,Ú Líu	(XÊ)	Xang,Cống Xê Xang	(HÒ)
	4 -	Hò Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
		Hò Xự Xang Xê	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
	5 -	Xề Cộng Liu	(Ú)	Xế Xáng Ú Liu	(XỀ)
		Ú Liu Xề	(- -)	Phạn, Liu Ú Xáng	(LIU)
	6 -	Xáng Cộng Liu	(Ú)	Xế Xáng Ú Liu	(PHẠN)
		Phan Liu	(Ú)	Xáng Ú Liu Phan	(XỀ)…
Khúc II :	7 -	Liu Xề Xáng Xứ	(LIU)	Xáng U Liu	(OAN)
(Điệu Oán		Oan, Xề Oan Liu	(XỀ)	Xề Xáng Ú Liu	(OAN)
dây Hò 2)	8 -	Oan Xề Oan Liu	(Ú)	Xáng Ú Liu Oan	(XỀ)
		Xề Oan Ú Liu Oan	(XỀ)	Xề Xế Xáng Xứ	(LIU)
	9 -	Cống Xê Xang	(HÒ)	Líu Cống Xê	(XANG)
		Hò Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang Xư	(HÒ)
	10 -	Hò Cống Xê	(XANG)	Xư Xang Xê	(CỐNG)
		Xứ Liu Oan	(XỀ)	Xàng Xề Liu Oan	(LIU)
	11 -	Liu Xáng	(XÀNG)	Xề Oan Liu	(Ú)
		Ú Xế Xáng	(LIU)	Ú Liu Oan	(XÀNG)
	12 -	Xáng Ú Liu	(OAN)	Liu Oan Xề	(- -)
		Xang Xê Xang	(HÒ)	Tồn Cống Xê	(XANG)
Khúc III :	13 -	XàngCộng,Xế Xáng	(LIU)	Tồn	(LIU)
(Điệu Xuân		Liu Phan	(XÀNG)	XàngXệ Liu Phan	(XỀ)
dây Hò 4)	14 -	Xề Liu Phan	(XỆ)	Phan Xàng	(- -)
		Xàng Ú Liu Phan	(XÀNG)	Xệ Liu	(- -)
	15 -	Líu Cống Xê	(XANG)	Xang Tồn Xang	(XÊ)
		Xể Xê Phan	(XÀNG)	Tồn Xang Xê	(TICH) LÍU
	16 -	Líu Líu Cống	(LÍU)	Líu Cống Xê	(XANG)
		Liu Xáng	(XÀNG)	Cồng Xề Xang	(- -)
	17 -	HòLiu Xáng Liu Phan	(XỆ)	Ú Phạn Liu Ú Xáng	(LIU)
		Liu Xề Xế Xáng	(U)	Xề U Liu	(PHAN)
(Chuyển Hò 1	18 -	Xàng Liu Ú Liu Phan	(XỀ)	Xề Phan Liu	(Ú)
từ câu 18)		Ú Xáng Ú Liu	(XỀ)	Phan Xề Tồn Phan	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

NGŨ KHÚC LONG PHI
Xuân Lịch Sử

Soạn lời : Mười Phú

Khúc I :
(Điệu Bắc)
Hò 4

1 - (- -) Ánh nắng (hồng)
Qua mỗi độ xuân (- -) thiên nhiên tươi (đẹp)
2 - (- -) Mai nở chào (xuân)
Vườn hoa khắp nơi (- -) khoe sắc xinh (tươi)
3 - Lâng lâng vui (nhộn) mỗi khi xuân (về)
Gió thổi nhẹ (đưa) êm mát muôn (nhà)
4 - Nắng mai rực (ánh) chan hòa (- -)
Không khí lồng theo (- -) nhịp bước gió (xuân)
5 - Cảnh vật nên (thơ) vạn sắc muôn (màu)
Khuông viên xuân về (- -) đua nở trăm (hoa)
6 - Sao vàng chói (chan) không gian cao (rộng)
Điểm tô (thêm) vẻ đẹp mây (hồng)

Khúc II :
(Điệu Oán)
Hò 2

7 - (- -) Tiếng hát của (ai)
Trong buổi xuân (về) êm ái thân (thương)
8 - Lảnh lót du (dương) giọng hát thâm (trầm)
Gợi lại bao (người) chan chứa niềm (vui)
9 - Thôn xóm quê (làng) chào đón ngày (xuân)
Lòng sung (sướng) hảnh diện tự (hào)
10 - Trời bình (minh) mùa xuân tỏa (sáng)
Khắp cánh (đồng) tiếng hát vang (vang)
11 - Ngày nay quê (mình) hoàn toàn đổi (mới)
Đất đẹp trăm (hoa) đua nở huy (hoàng)
12 - Lộng lẫy khắp (nơi) cánh sao vàng (- -)
Báo hiệu (ngày) hạnh phúc vinh (quang)

Khúc III :
(Điệu Xuân)
Hò 4

13 - (- -) Ngày (nay)
Xuân điểm (hồng) thế hệ tuyệt (vời)
14 - Xuân đem (lại) cho đời (- -)
Cả bầu (trời) quang minh (- -)
15 - Xuân tượng (trưng) cho cảnh phồn (vinh)
Nói lên (lòng) ân sâu nghĩa (cả)
16 - Xuân chan (chứa) dạt dào tình (thương)
Thơm ngát hoa (hồng) ngàn phương (- -)
17 - Én xuân bay (lượn) trên nền trời (xanh)
Vui (thú) khắn khít bên (nhau)
18 - Xuân cao (đẹp) lòng nhân (ái)
Thắm thiết (tình) dân tộc quê (hương)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp IV :	19 -	Liu Xề Tồn Phan (LIU)	Tồn Phan (LIU)
(Điệu Ai		Ú Liu Oan Liu (Ú)	Xề Xáng Liu Phan(XÀNG)
dây Hò 1)	20 -	Liu Xàng Xứ U Liu (XỆ)	Xế Xáng Liu Phan(XÀNG)
		Xệ Xàng U Liu (XỆ)	Xề Phan Liu (- -)
	21 -	Xề, Ú Liu (- -)	Liu Xề Xáng U Liu(OAN)
		Xề Oan, Liu Oan (- -)	Xề Oan,U Liu Oan Liu(Ú)
	22 -	Liu Xề, Xề Xế Xáng (Ú)	XếXángLiu,ÚLiuOan(XỀ)
		Xứ U, Xế Xáng Xứ (XỀ)	Xề Xứ U Xế Xáng (LIU)
	23 -	Liu Xề, Xế Xáng (LIU)	Xáng U Liu (OAN)
		Oan Oan Xề Oan (LIU)	Liu Xế Xáng Xư (XÀNG)
	24 -	Xang Cống Xê Xang (HÒ)	Tồn Cống Xê (XANG)
		Xề Xế Xáng (Ú)	Xáng Ú Liu (XỀ)
Khúc V :	25 -	Xế Xáng, Cồng Liu (Ú)	,Xáng Cồng Liu (Ú)
(Điệu Hạ		Ú Xáng Ú Liu (CỘNG)	Tồn Cộng Liu (Ú)
dây Hò 3)	26 -	Tồn (XẠNG)	Xảng Xang Xang (HÒ)
		Xáng U Liu Phan (- -)	Liu Xề Tồn Cộng (LIU)
	27 -	Hò Xang Xê (CỐNG)	Cống,Líu Cống Líu (XÊ)
		Xê Cống Hò (XÊ)	Cống Xê Xang (XỰ)
	28 -	Tồn Cộng Liu (Ú)	Xế Xáng Ú Liu (CỘNG)
		Xề Cộng Liu (Ú)	Xáng Ú Liu Cộng (XỀ)
	29 -	Xang Xê (CỐNG)	Ú Liu Cộng Xê (XANG)
		Xế Xáng (CỘNG)	Tồn Cộng Liu (Ú)
	30 -	Ú Xế Xáng (Ú)	Ú Liu Ú Cộng Liu (XỀ)
		Xề Phan Liu (Ú)	Xế Xáng Ú Xáng (LIU)

Nhạc sĩ Mười Phu sáng tác

X – TAM BẮC NHỊ OÁN :

1 - HỘI HUÊ ĐĂNG

(35 câu, nhịp tư, hơi Bắc)

Lớp I :	1 -	(- -)	Hò (XỰ)
		Xang Xự (- -)	Líu Cống Xê (XANG)
	2 -	Cống Líu (XÊ)	Xang Xê Líu (XỰ)
		Xang Líu (XỰ)	Xang Cống Xê (XANG)
	3 -	Tồn Tang (TỊCH)	Tồn Xang (- -)
		Xàng Liu (- -)	Cống Xê (XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Khúc IV :
(Điệu Ai)
Hò 1

19 - (- -) Kể từ (đây)
Xuân vẫn (mãi) tươi thắm màu (hồng)
20 - Rừng sao tỏ (rạng) sáng (ngời)
Xã hội đổi (đời) tiến lên (- -)
21 - Cùng tiến lên (- -) cả nước reo (vui)
Đồng tâm với nhau (- -) tương thân tương (ái)
22 - Xuân là ngọn (đuốc) soi sáng con (đường)
Liên kết bao (người) gắn bó tình (thương)
23 - (- -) Cảnh (xuân)
Với lòng thủy (chung) cao đẹp vô (cùng)
24 - Xuân huy (hoàng) không khí lạc (quan)
Xuân vẻ (vang) sống mãi lòng (người)

Khúc V :
(Điệu Hạ)
Hò 3

25 - (- -) Ánh hồng muôn (nơi)
Từ đây tỏa (sáng) khắp cùng Việt (Nam)
26 - Xuân kỷ (niệm) cách mạng anh (hùng)
Xuân lưu lại (- -) thế hệ đời (sau)
27 - Xuân truyền (thống) bất khuất hiên (ngang)
Nêu lên (gương) kiên gan oanh (liệt)
28 - Biết bao xuân (đi) rồi xuân (lại)
Xuân bảy mươi lăm (- -) thành tích oai (hùng)
29 - Xuân lịch (sử) cả nước hân (hoan)
Xuân lẩy (lừng) chiến thắng vinh (quang)
30 - Cờ hùng tung (bay) lộng lẫy sao (vàng)
Giữa muôn (ngàn) tiếng hát reo (vang)

X – TAM BẮC NHỊ OÁN :

HỘI HUÊ ĐĂNG
Cảnh Xuân

Lớp I :

1 - (- -) Xuân (về)
Cỏ hoa đua (chào) khoe sắc khắp (nơi)
2 - Bầu hồng (quân) vui tươi khác (lạ)
Ngàn (tía) với muôn (xanh)
3 - Phô bày (cảnh) đẹp xinh (- -)
Trăm (hoa) nở sắc khoe (hương)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	4 -	Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỔNG)
		Ú Liu	(XỀ)	Liu Ú Xáng	(LIU)
	5 -	Tồn Tồn	(TỒN)	Tồn Liu	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	6 -		(- -)	Cống Xê	(XANG)
		Xảng	(- -)	Xảng Xang	(HÒ)
	7 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
	8 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	9 -	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng Xê	(XANG)
		Xê Xê	(XANG)	Liu Cộng Xáng	(LIU)
Lớp II :	10 -		(- -)	Hò	(XỰ)
		Xang Xự	(- -)	Líu Cống Xê	(XANG)
	11 -	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
		Xang Líu	(XỰ)	Xang Cống Xê	(XANG)
	12 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xang	(- -)
		Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	13 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Cống Xê	(XANG)
	14 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xang	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XÀNG)
	15 -	Xế Xáng	(Ú)	Ú Liu	(XÀNG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Ú Xáng	(LIU)
	16 -	Xế Xáng	(- -)	Xáng Xàng	(- -)
		Liu Liu	(CỘNG)	Tồn Ú Xáng	(LIU)
	17 -	Liu Liu	(XÀNG)	Liu Ú Xáng	(LIU)
		Ú Liu	(CỘNG)	Xê Xang Là	(HÒ)
	18 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Là Hò	(- -)
		Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	19 -		(- -)		(- -)
		Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
	20 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
		Là Là	(HÒ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	21 -	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
		Xang Xê	(- -)	Xang Hò Là	(XỰ)
	22 -	Xự Xự	(- -)	Xang Hò Là	(XỰ)
		Ú Liu	(XỀ)	Liu Cộng Tồn	(LIU)
	23 -	Tồn Liu	(Ú)	Xáng Ú Liu	(XÀNG)
		Ú Liu	(XÀNG)	Liu Cộng Ú	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4 - Xôn (xao) bầy ong (bướm)
Cảnh (vật) đồng thanh (tao)
5 - Như hữu (tình) ước ao (- -)
Bóng thiều (quang) xế đầu (non)
6 - (- -) Xuân (nay)
Trở lại (- -) rực rở lắm thú (vui)
7 - Tuổi há (đâu) chờ ta (- -)
Tháng (ngày) thắm thoát trôi (qua)
8 - (- -) Bức (tranh)
Tươi sáng (- -) bóng dương tà thỏ (lặn)
9 - Muôn (dặm) bước quan (hà)
Cảnh (đời) bao ngàn (xa)

<u>Lớp II</u> :

10 - (- -) Khói hương (mờ)
Chim trên nhành (- -) lăng líu chào (xuân)
11 - Vui (xuân) nhiều ước (hẹn)
Sầu (đượm) bóng xuân (qua)
12 - Khi tàn (tạ) thời xuân (- -)
Bao vui (chơi) hết còn ước (mơ)
13 - (- -) (- -)
(- -) Đầy thềm (hoa)
14 - Luồng gió (thoảng) sương mai (- -)
Đó (đây) dặm đường (dài)
15 - Nô (nức) lử khách vui (vầy)
Hải (đường) thược dược đua (chen)
16 - Lẫn thấy (- -) bóng hồng (- -)
Đưa mắt (đẹp) bên lầu (trang)
17 - Khách chung (tình) nhìn liễu (dương)
Đang (khoe) sắc bên (đường)
18 - Nợ (thiếp) duyên chàng (- -)
Tình (ngoài) muôn dặm cách (xa)
19 - (- -) (- -)
Chữ công (danh) rẽ túy chia(quyên)
20 - Cô phòng (thiếp) chờ trông (- -)
Chàng (ngoài) muôn dặm thẳng (xông)
21 - Ngày (đêm) luống trông tin (nhạn)
Mõi (mắt) phương trời xứ (lạ)
22 - Nhìn ngàn (cây) lòng tơ đòi (đoạn)
Nào ai (thấu) một mình thở (than)
23 - Ngoài biên (ải) thương thân (chàng)
Xông (lướt) chốn binh (đao)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	24 -	Liu Liu	(Ú)	Xáng Ú Liu	(XỀ)
		Ú Liu	(XỀ)	Liu Cộng Ú	(LIU)
	25 -		(- -)		(- -)
		Tồn	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
	26 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	27 -	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò	(- -)
		Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	28 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
Lớp Dứt :	29 -		(- -)	Xê Xang	(XỰ)
		Xang Xự	(- -)	Líu Cống Xê	(XANG)
	30 -		(- -)		(- -)
		Xê Xang	(XỰ)	Xế Xê	(XANG)
	31 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xang	(- -)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	32 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)
		Phàn Xang	(HÒ)	Líu Cống Xê	(XANG)
	33 -	Cống Xê	(XANG)	Xự Xang	(XÊ)
		Cống Líu	(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)
	34 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xự	(- -)
		Ú Liu	(XỀ)	Cộng Ú Xáng	(LIU)
	35 -	Tồn	(Ú)	Liu Xề	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(- -)

(Nhạc sĩ Chín Tâm sưu tầm tại Mỏ Cày (Bến Tre) năm 1943).

2 - LỤC LUẬT TIÊU HÀ

(29 câu, nhịp tư, hơi Bắc)

Lớp I :	1 -		(- -)	Tồn	(LIU)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	2 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XỀ)
		Ú Liu	(XỀ)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
	3 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xề	(-)
		Cống Xê	(XANG)	Xề Cộng Tồn	(LIU)
	4 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(- -)
		Liu Liu	(TỒN)	Xáng Liu	(- -)
	5 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
		Liu Xề Cộng	(LIU)	Tồn Ú Xáng	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

24 - Lúc chia (tay) ước hẹn bao (lời)
Đá (vàng) thề không lợt (phai)
25 - (- -) (- -)
Ngoài (hiên) tiếng dế nỉ (non)
26 - Dĩa dầu (dần) cạn vơi (- -)
Trống (canh) lầu tây dồn (dập)
27 - Như ai (cắt) đoạn can trường (- -)
Sầu (duyên) tay nâng bút (ngọc)
28 - Nỗi tâm (can) tủi phận (- -)
Dệt (nên) Chức Cẩm Hồi (Văn)

Lớp Dứt :

29 - (- -) Dâng lên cữu (trùng)
Xin cho chàng (- -) phản hồi quê (xưa)
30 - (- -) (- -)
Nay xuân (nồng) một vùng nước (non)
31 - Chân trời (vừng) mây chen (- -)
Đàn (nhạn) kêu như khơi (dạ)
32 - (Xuân) còn đương (chờ)
Mà ta hẳng (hờ) lòng dạ chẳng (an)
33 - Biết (ai) vui cùng xuân (sang)
Thiều (quang) trôi qua chín (chục)
34 - Đưa hương (hoa) sắc đẹp (- -)
Thích (tình) mặc khách tao (nhân)
35 - Riêng (ta) sầu tràn (- -)
Chẳng hưởng (vẹn) xuân sang (- -)

LỤC LUẬT TIÊU HÀ
Từ Hải sa cơ

Soạn lời : Chín Tâm

Lớp I :

1 - (- -) Oai (danh)
Bấy lâu gây (dựng) cơ đồ dọc (ngang)
2 - Bể Sở sông (Ngô) ta tung (hoành)
Nay theo lời (nàng) bải binh qui (hàng)
3 - Áo mão xiêm (y) buộc ràng (- -)
Công hầu mà (chi) một cõi giang (san)
4 - Hùng (cứ) nhứt phang (- -)
Đạp đổ năm (tòa) cõi nam (- -)
5 - Đấng hùng (anh) giang hồ ngang (dọc)
Ta chẳng vì (ai) chịu nhục cầu (vinh)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	6 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu (- -)
			(- -)	(- -)
	7 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang (XỰ)
		Xự Xự	(- -)	Hò Xự (- -)
	8 -	Líu	(XỰ)	Xang Cống Líu (XÊ)
		Xê Xang	(XÊ)	Tồn Cống Líu (XÊ)
	9 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê (- -)
		Ú Liu	(XỀ)	Cộng Ú Xáng (LIU)
	10 -	Tồn Liu	(Ú)	Xế Xáng (Ú)
		Tồn Ú	(LIU)	Công Liu (Ú)
	11 -	Xáng	(XẾ)	Tồn Liu (- -)
			(- -)	Liu (XÀNG)
	12 -	Liu Xàng Tồn	(LIU)	Tồn Xàng Liu (XÀNG)
		Cống Xê	(XANG)	Xự Xế (XANG)
	13 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xang (- -)
		Ú Liu	(XỀ)	Cộng Ú Liu (XỀ)
	14 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu (XỀ)
		Ú Liu	(XỀ)	Liu Cộng Tồn (LIU)
<u>Lớp II</u> :	15 -		(- -)	Cống Xê (XANG)
		Xể	(- -)	Xê Xang (HÒ)
	16 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu (- -)
		Liu Liu	(PHẠN)	Ú Xáng (LIU)
	17 -		(- -)	Tồn (XANG)
		Xê Xang	(- -)	Xê Cống Líu (XÊ)
	18 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê (- -)
		Cống Xê	(XANG)	Xê Líu (CỐNG)
	19 -		(- -)	Tồn (LIU)
		Xáng Ú	(- -)	Ú Liu (XÀNG)
	20 -	Xàng Liu	(- -)	Liu Xàng (- -)
		Liu Liu	(XÀNG)	Liu Xàng Liu (CỘNG)
	21 -	Tồn	(CỘNG)	Liu Ú Xáng (LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu (CỘNG)
	22 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng (- -)
		Xàng Liu	(- -)	Cống Xê (XANG)
	23 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu (XỀ)
		Ú Liu	(PHẠN)	Liu Ú Xáng (LIU)
	24 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê (XANG)
		Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xề Cộng (LIU)
	25 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu (XỀ)
		Ú Liu	(XỀ)	Liu Cộng Liu (XỀ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 - Bia (sử) bêu danh (- -)
(- -) (- -)
7 - Kiều (nhi) đắn đo lợi (hại)
Qua ngày (- -) lưu lạc (- -)
8 - Hết (rồi) ở chốn thanh (lâu)
Tình yêu bao (nhiêu) khổ ải bấy (nhiêu)
9 - Con người ở (đời) sanh ra (- -)
Kẻ sướng (người) cực khác (nhau)
10 - Chi bằng (nên) hễ đến vận (may)
Thì phải (bắt) lấy trong (tay)
11 - Đường đi mở (rộng) tương lai (- -)
(- -) Có hẹn (gì)
12 - Công tư vẹn (hai) thiếp cùng (chàng)
Mẹ cha đẹp (lòng) con trẻ vinh (hoa)
13 - Trước trọn (hiếu) sau đắc trung (- -)
Hết (hồi) gió dập sóng (dồi)
14 - Bên (nhau) vợ chồng luận (bàn)
Phân tách (đà) hết dạ nghi (nan)

<u>Lớp II</u> :

15 - (- -) Vì chữ (thương)
Từ công (- -) tử trận sa (trường)
16 - Thân (phận) Kiều nương (- -)
Bị ép (duyên) cho thổ (quan)
17 - (- -) Nhưng Kiều (nương)
Xót xa (- -) vì mình hại mạng Từ (công)
18 - Trông vời con (nước) mênh mông (- -)
Giữa dòng Trường (giang) đem mình gieo (xuống)
19 - (- -) Sư bà Giác (Duyên)
Bủa lưới ngăn (sông) vớt được nàng (Kiều)
20 - Về lều tranh (- -) chung chạsớm chiều (- -)
Để đợi (ngày) gia đình đoàn (tụ)
21 - Chàng Kim trở (lại) chốn cũ cảnh (xưa)
Gặp chàng (Vương) rõ hay sự (việc)
22 - Rằng Kiều bán (mình) chuộc tội (- -)
Cho qua (cơn) gia biến cứu (cha)
23 - Chàng nghe (xong) tràn mối buồn (rầu)
Máu theo nước (mắt) hồn lìa chiêm (bao)
24 - Viên (ngoại) đem gả Thúy (Vân)
Người yểu (điệu) kẻ văn (chương)
25 - Kiều (nương) một dạ một (lòng)
Phỉ (nguyền) sánh phượng cỡi (rồng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

26 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Xự Xự	(- -)	Hò Xự	(- -)
27 -	Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
	Xê	(XÊ)	Tồn Cống Líu	(XÊ)
28 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Ú Liu	(XỀ)	Cộng Ú Xáng	(LIU)
29 -	Tồn	(LIU)	Tồn Liu	(Ú)
	Xế Xáng	(Ú)	Xáng Liu	(- -)

(Nhạc sĩ Chín Tâm sưu tầm năm 1943 tại Mỏ Cày (Bến Tre).

3 - BẮC NGỰ

(39 câu, nhịp tư, hơi Bắc)

Lớp I :	1 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xang Xự Là	(HÒ)	Là Là	(HÒ)
	2 -	Cống Xê	(XANG)	Tồn Cống	(XÊ)
		Xang Xự Là	(HÒ)	Là Là	(HÒ)
	3 -	Xự Cống Xê	(XANG)	Tồn	(XANG)
		Xang Xê	(XỀ)	Líu Cống Xê	(XANG)
	4 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xang	(- -)
		Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
	5 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Liu	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	6 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Xàng Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	7 -		(- -)	Tồn	(XANG)
		Xê Xể	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
	8 -	Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
		Xế Xáng	(Ú)	Tồn Ú Liu	(Ú)
	9 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
	10 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng Ú	(LIU)
		Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	11 -	Tồn	(CỘNG)	Liu Xề	(- -)
		Cộng Cộng	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
Lớp II :	12 -		(- -)		(- -)
		Là Là	(HÒ)	Là Xự Xế	(XANG)
	13 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xang	(- -)
		Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

26 - Cùng Từ (công) thề vẹn chữ (tòng)
Nhưng số phận (- -) nảo lòng (- -)
27 - Mắc (lừa) mưu chước chiêu (an)
Nhưng hùm (thiêng) khí tiết hiên (ngang)
28 - Dạn (dày) cho biết gan (- -)
Khí thiêng về (thần) thân đứng trơ (trơ)
29 - Từ (công) trí dũng có (dư)
Bởi (thương) Kiều lụy thân (- -)

BẮC NGỰ
Bá Nha – Tử Kỳ

Soạn lời : Chín Tâm

Lớp I :

1 - (- -) Bá (Nha)
Là quan đại (thần) thông thi họa cầm (kỳ)
2 - Du ngoạn đó (đây) khắp thôn dã lâm (sơn)
Khúc nhạc cung (đàn) sảng khoái nhẹ (nhàng)
3 - Nước biết non (xanh) lần bước dạo (quanh)
Đang khi (trỗi) khúc nhạc xuân (sang)
4 - Dây đờn đứt (ngang) tay khảy ngưng (- -)
Có người lóng (nghe) bên ven rừng (vắng)
5 - Đại phu suy (nghĩ) để tâm (- -)
Rảo (mắt) nhìn cảnh (vật)
6 - Khắp chung (quanh) bờ bụi (- -)
Sự nghi (quyết) chẳng hề (sai)
7 - (- -) Dưới cội thùy (dương)
Có bóng (ai) đang ẩn (mình)
8 - Xem ra người đốn (củi) trong rừng (- -)
Đang (đứng) lắng tai (nghe)
9 - Tiều phu trình (bày) thiệt hơn (- -)
Trên đường (về) nghe tiếng đờn say (mê)
10 - Tiểu (dân) xin đại (nhân)
Mở (lượng) hải hà tha (tội)
11 - Bởi (dây) tơ đồng (- -)
Nửa (chừng) đứt làm (đôi)

Lớp II :

12 - (- -) (- -)
Cử chỉ tánh (tình) ngôn ngữ gã tiều (phu)
13 - Gây niềm khoan (khoái) dễ thương (- -)
Bá Nha hỏi (thăm) căn nguyên nguồn (cội)

Digitized by www.namkyluctinh.org

14 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XỀ)
	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
15 -	Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỐNG)
	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
16 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
17 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xể	(- -)	Xế Xê	(XANG)
18 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xang	(- -)
	Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
19 -	Tồn	(CỘNG)	Ú Liu	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
20 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng Ú	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
21 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
22 -	Ú Liu	(CỘNG)		(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
23 -	Xê Xê	(TỒN)	Xế Xê	(- -)
	Cống Xê	(XANG)	Xê Xang	(XỰ)
24 -	Xự Xự	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
	Xang Xự Là	(HÒ)	Là Là	(HÒ)
25 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
	Xang Xự Là	(HÒ)	Là Là	(HÒ)
26 -	Xự Cống Xê	(XANG)	Xang	(- -)
	Xáng	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
27 -	Liu	(CỘNG)	Liu Cộng	(- -)
	Liu Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
28 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
29 -	Liu Xáng	(Ú)	Liu Cộng	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
30 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
31 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cống	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
32 -	Tồn	(CỘNG)	Xáng Liu	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Tồn	(LIU)
33 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng Ú	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XÀNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

14 - Hoàn (cảnh) gia (đình)
Song (thân) cùng huynh (đệ)
15 - Chung Tử (Kỳ) thưa qua tường (tận)
Dạ tiểu (dân) còn cha mất (mẹ)
16 - Nhà cách (đây) mấy dặm (- -)
Cha (tôi) đau bịnh mù (lòa)
17 - (- -) Nghe (qua)
Tình cảnh (- -) lòng chua xót (thay)
18 - Gìn lòng trọn (hiếu) với cha (- -)
Thương (cho) con hiền trọn (thảo)
19 - Đốn củi cực (nhọc) chẳng than (- -)
Sống (kiếp) khổ cực truân (chuyên)
20 - Khi hiểu (nhau) tâm sự hàn (huyên)
Càng chuyện (trò) càng thêm thân (mật)
21 - Bá (Nha) cùng Tử Kỳ gặp (nhau)
Không (cần) giai cấp phân (biệt)
22 - Hai người tuyên (thệ) (- -)
Trở (thành) tri kỷ tri (âm)
23 - Tương (thân) bạn bè đệ (huynh)
Hơn (cả) nảy giờ gặp (mặt)
24 - Đôi (bạn) vong niên từ (đây)
Chẳng (phân) chức phận sang (hèn)
25 - Bận (việc) hiếu thân (- -)
Tử (Kỳ) vòng tay thưa (rằng)
26 - Xin tạm giả (từ) quan nhân (- -)
Hẹn (gặp) bằng hữu thu (sau)
27 - Cùng tương (hội) nay giả biệt (- -)
Bá (huynh) hãy yên (tâm)
28 - Đến hẹn (thu) năm sau (- -)
Hai (ta) chốn này gặp (lại)
29 - Cùng thưởng (thức) ngón đàn tuyệt diệu (- -)
Của Bá (huynh) khảy lên trầm (bổng)
30 - Đôi bạn trong (phút) chia tay (- -)
Đau (buồn) nào hơn ly (biệt)
31 - Lòng bồi (hồi) mặt nhìn mặt (- -)
Nét u (buồn) lắng đọng trên (mi)
32 - Vui gặp (lại) năm sau (- -)
Tình (bạn) thêm thân mến (nhau)
33 - Lúc chia (tay) trong trí Bá (Nha)
Dường (như) linh cảm việc (gì)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp Dứt :	34 -		(- -)	Liu Liu	(XÀNG)
		Liu Xàng	(- -)	Xàng Liu	(CỘNG)
	35 -	Tồn Liu	(CỘNG)	Liu Ú	(- -)
		Ú Liu	(XÀNG)	Ú Liu	(CỘNG)
	36 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Liu Liu	(Ú)	Xáng Ú Liu	(XÀNG)
	37 -		(- -)	Liu Liu	(XÀNG)
		Liu Xàng	(- -)	Xàng Liu	(CỘNG)
	38 -	Tồn Liu	(CỘNG)	Liu Ú	(- -)
		Xế Xáng	(Ú)	Ú Liu	(CỘNG)
	39 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

(Nhạc sĩ Chín Tâm sưu tầm năm 1943 tại Mỏ Cày (Bến Tre).

4 - QUẢ PHỤ HÀM OAN

(34 câu, nhịp 8, hơi Oán)

Lớp I :	1 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Cống Xê	(XANG)
		Xang Xế	(XỂ)	Xế Xế	(XANG)
		Xang Xế	(- -)	Xê Xể	(XÀNG)
	2 -	Xế Xê	(XANG)	Xế Xê	(XƯ)
		Xề Xế	(- -)	Xế Xư	(XANG)
		Xế Xê	(XANG)	Xế Xang	(XƯ)
		Xế Xể	(- -)	Xảng Tồn	(HÒ)
	3 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Tồn	(LIU)
		Lỉu Liu	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
		Xề Liu	(- -)	Xề Xư	(XANG)
	4 -	Xang	(XÊ)	Xang Xư	(- -)
		Xế Xê	(XẢNG)	Xang Xư	(XANG)
		Xề Hò	(XANG)	Xề Xê	(HÒ)
		Liu Liu	(XÁNG)	Xê Xáng	(XÀNG)
	5 -	Xang	(XÊ)	Xê Xang	(XƯ)
		Xế Xê	(XANG)	Xang Hò	(XANG)
		Xế Xê	(XẢNG)	Xề	(LIU)
		Liu Liu	(XÀNG)	Xang Xư	(XANG)
Lớp II :	6 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Tồn	(LIU)
		Liu Oan	(LIU)	Xề Xàng	(LIU)
		Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan	(XÀNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp Dứt :

34 - (- -) Đứng bên ven (bờ)
Thẩn thờ (- -) nhìn rừng cây trước (mặt)
35 - Chỉ thấy mây (trắng) lờ đờ trôi (- -)
Cùng ánh sương (mù) xa xa mờ (mịt)
36 - Lòng đinh (ninh) sớm gặp (- -)
Như lời hẹn (ước) với Chung Tử (Kỳ)
37 - (- -) Một cụ (già)
Nét mặt âu (sầu) từ xa đi (lại)
38 - Mắt còn đầy (lệ) đau thương (- -)
Cho (hay) Tử Kỳ yểu (mạng)
39 - Dặn tôi phải (gặp) cho được (- -)
Thông (báo) để đại nhân tỏ (tường)

QUẢ PHỤ HÀM OAN
Thân phận Thúy Kiều

Soạn lời : Chín Tâm

Lớp I :

1 - (- -) (- -)
(- -) Vấn (vương)
Mối tình đầu (tiên) phận gái ai (xui)
Số kiếp (- -) ngang trái vô (cùng)
2 - Suốt cả nửa (đời) một thân lận (đận)
Xa quê quán (- -) mất cả tình (chung)
Mặc gió đẩy (đưa) cũng đành (chịu)
Thuyền quyên (- -) thân phận đánh (liều)
3 - (- -) (- -)
(- -) Trôi về (đâu)
Số kiếp bọt (bèo) theo chiều (- -)
Gió bay (- -) nhắm mắt đưa (chân)
4 - Động Thiên (Thai) nơi lầu ngọc (- -)
Bóng hồng (nhan) (- -)
Yểu điệu phương (phi) như tiên non (Bồng)
Nghĩ thêm (tủi) phận má (hồng)
5 - Số phận xui (nên) tránh đâu (được)
Số nàng phải (vương) (- -)
Tài hoa nặng (nợ) trả nghĩa sanh (thành)
Thấy được sắc (tài) mê mẩn nam (nhi)

Lớp II :

6 - (- -) (- -)
(- -) Đóa trà (mi)
Suốt đêm (thâu) vắng khách tìm (hoa)
Mưu lầm Sở (Khanh) Kiều bôn tẩu trên (đường)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	7 -	Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề (- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Oan Liu	(- -)	Xề Xàng (LIU)
		Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan (XÀNG)
	8 -	Liu Liu	(HÒ)	Liu (HÒ)
		Xàng Xề	(- -)	Hò Xư (XANG)
		Xế Xê	(XANG)	Xê Xang (XƯ)
		Hò Là	(HÒ)	Hò Xư Xảng (XANG)
	9 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Xế Xê (XANG)
		Xang Xế	(XỀ)	Xể Xê (XANG)
		Xang Xể	(- -)	Xế Tồn (XANG)
	10 -	Tồn	(XANG)	Xảng Xế (- -)
		Xê Xang	(XƯ)	Xang Xư (XANG)
		Xế Xê	(XANG)	Xang Xang (XƯ)
		Xang Xế	(XỀ)	Xảng Xang (HÒ)
	11 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Oan	(LIU)	Oan (LIU)
		Lỉu Liu	(- -)	Ú Liu (OAN)
	12 -	Liu Oan	(XỀ)	Oan (LIU)
		Lỉu Liu	(- -)	Ú Liu (OAN)
		Tồn	(LIU)	Liu Oan (XỀ)
		Xề Xàng	(XỀ)	Xề Xảng Xang (HÒ)
Lớp III :	13 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Oan Liu	(- -)	Xế Xang (HÒ)
		Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan (XỀ)
	14 -	Xề Oan	(LIU)	Liu Xề (XÁNG)
		Liu Oan	(XÀNG)	Xàng Xề (XÀNG)
		Tồn	(XỀ)	Xế Xê Xang (XƯ)
		Xảng Xế	(- -)	Xang Xư (XANG)
	15 -		(- -)	Xế Xê (XANG)
		Xang Xế	(XỀ)	Xảng Xang (XƯ)
		Tồn	(XANG)	Xang Xế (XỀ)
		Xế Xể	(- -)	Xể Xê Xang (XƯ)
	16 -	Xảng	(XẾ)	Xê Xang (XƯ)
		Xế Xể	(- -)	Xang Xư (XANG)
		Xế Xê	(XANG)	Xê Xang (XƯ)
		Hò Xế	(- -)	Xảng Xang (HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

7 - Bị bắt đem (về) tra hỏi roi (đòn)
(- -) Ai là tri (âm)
Bầm dập thân (- -) cũng đưa (chân)
Để xem máy (Tạo) cũng quyết đánh (liều)

8 - Ngồi (buồn) nghĩ đến (điềm)
Chiêm bao rồi (- -) có nàng Đạm (Tiên)
Hiện (lên) báo (mộng)
Lưu lạc một (thời) mười năm truân (chuyên)

9 - (- -) (- -)
(- -) Tài sắc có (dư)
Đến chung (cuộc) cũng đều bỏ (đi)
Đang bận nghĩ (- -) cuộc đời không (may)

10 - Một bóng năm (canh) lòng bâng khuâng (- -)
Chợt nghe tiếng (động) (- -)
Nhìn ra Thúc (Sinh) vào tận (chỗ)
Theo dọ (hỏi) nguyên do mắc (vào)

11 - (- -) (- -)
(- -) Kiều liền (thưa)
Cảm đội ơn (sâu) không tiện nghe (theo)
Chỉnh e (- -) tai họa hiểm (sâu)

12 - Bình Khang chốn (nầy) nấn ná bấy (lâu)
Yêu hoa (- -) yêu màu điểm (trang)
Đến (khi) hương phấn phai (tàn)
Biết cho tấm (lòng) có được vững (bền)

<u>Lớp III</u> :

13 - (- -) (- -)
(- -) Nhìn (trăng)
Hằng Nga (- -) nay thêm (người)
Ắt lòng không (yên) ngang ngửa trăm (điều)

14 - Rồi (đây) mọi chuyện ngang (trái)
Thân phận bọt (bèo) (- -)
Tội trời định (cho) thân sau ai (chịu)
Có sá chi (- -) chút phận bèo (mây)

15 - (- -) Thương (sao)
Lúc nào (cũng) thương cho (trọn)
Vẹn chữ tình (chung) trên còn có (lịnh)
Mẹ cha (- -) phải làm đẹp (dạ)

16 - Biết lòng có (ưng) lầu xanh cùng (loại)
Liễu ngỏ (- -) bên ngoài tường (hoa)
Thôi thôi mặc (cho) xoay vần con (Tạo)
Cứ nghĩ (- -) phận thiếp có ra (gì)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	17 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Là Là	(HÒ)
	Hò Là	(HÒ)	Xàng Xề	(- -)
	Hò	(- -)	Hò Xư	(XANG)
	18 - Tồn	(XANG)	Xang Xế	(XỂ)
	Xế Tồn	(XANG)	Xang Xư	(XANG)
	Tồn	(LIU)	Liu Oan	(LIU)
	Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	19 - Xang	(XÊ)	Xê Xang	(XƯ)
	Xang Xư	(XANG)	Xảng Xang Xư	(XANG)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Liu Oan	(XỀ)	Xàng Xề Oan	(LIU)
	20 - Tồn	(LIU)	Liu Oan	(LIU)
	Liu Oan	(XỀ)	Xàng Xề Oan	(LIU)
	Lỉu Liu	(XỀ)	Xề Oan	(LIU)
	Xang Xế	(XỂ)	Xảng Xang	(HÒ)
	21 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Oan	(LIU)	Xế Xáng	(LIU)
	Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan	(XỀ)
	22 - Xề Oan	(LIU)	Liu Xề	(XÁNG)
	Liu Oan	(XÀNG)	Xàng Xề	(XÀNG)
	Tồn	(LIU)	Liu Oan	(XỀ)
	Xang Xư	(XANG)	Xê Xang	(XƯ)
	23 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Xế Xể	(- -)	Xảng Xang	(HÒ)
	24 - Hò Tồn	(XANG)	Xang Xế Xể	(- -)
	Xảng Xang	(HÒ)	Xàng Xề	(LIU)
	Tồn	(XANG)	Xang Xế	(XỂ)
	Xế Xể	(- -)	Xang Xư	(XANG)
Lớp IV :	25 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Ú Liu	(OAN)
	Liu Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Xế Xề	(- -)	Ú Liu	(OAN)
	26 - Liu	(XỀ)	Xáng Ú	(- -)
	Ú Liu	(OAN)	Xề Liu	(OAN)
	Lỉu Liu	(XỀ)	Xề Xàng	(LIU)
	Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan	(XÀNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

17 - (- -) (- -)
(- -) Mến thương (lòng)
Hơn thiệt tỏ (bày) xin nàng (- -)
Chớ khá dè (- -) những lời tỏ (phân)

18 - Quyết vẹn thủy (chung) mai sau (- -)
Ai có đổi (thay) (- -)
Đất trời xét (soi) chỉ có một (ta)
Xin chứng (có) hai bên trong (ngoài)

19 - Trăm (năm) như lòng đã (nguyện)
Một dạ sắt (son) (- -)
Dẫu cho biển (kia) đầy vơi (- -)
Chẳng dễ đổi (dời) em hãy nghe (anh)

20 - Nói chuyện gần (xa) sá gì phong (ba)
Đã quyết đá (vàng) nên nghĩa tào (khang)
Đang vui (mừng) thì cuộc lửa (binh)
Bỗng không đột (phát) chiến trận điêu (tàn)

21 - (- -) (- -)
(- -) Sát khí (hăng)
Rợp trời cờ (bay) vó ngựa tướng (binh)
Rầm rập một (phương) chiến đấu hung (tàn)

22 - Tề chỉnh nghiêm (trang) hàng ngũ đôi (bên)
Xem thấy hãi (hùng) (- -)
Kiều (nương) thất kinh rụng (rời)
Cùng người (thân) tìm phương lánh (nạn)

23 - (- -) (- -)
(- -) Tướng công họ (Từ)
Y lời hẹn (xưa) dám đâu (- -)
Gạt bỏ (- -) vẹn nghĩa chung (tình)

24 - Qua thời loạn (ly) lòng Kiều vẫn (giữ)
Dám đâu (nào) (- -)
Gạt bỏ bạn (xưa) dù vì (ai)
Hay nạn tai (- -) sanh mạng mất (đi)

<u>Lớp IV</u> :

25 - (- -) (- -)
(- -) Ngơ ngẩn chờ (trông)
Kiều còn (đang) đợi tin (- -)
Chiến trận về (- -) cho rõ thiệt (hơn)

26 - Thanh la bóng (cờ) bỗng có (- -)
Một đội giáp (binh) (- -)
Chỉnh nghiêm lịnh (truyền) của Từ (Công)
Chào mừng phu (nhân) nghi liễn rước (về)

Digitized by www.namkyluctinh.org

27 -	Xang Xế	(XÊ)	Xê Xang	(XƯ)
	Xang Xế	(XỂ)	Xang Xư	(XANG)
	Tồn	(XANG)	Xang Xế	(XỂ)
	Xế Xể	(- -)	Xảng Xang	(HÒ)
28 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xê Xang	(XƯ)	Xang Xư	(XANG)
	Tồn Xang	(XÊ)	Xảng Xang	(HÒ)
	Xang Xể	(- -)	Xang Xư	(XANG)
29 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XANG)
	Xang Xư	(XÀNG)	Xế Xảng	(- -)
	Xế Xê	(XANG)	Xang Xư	(XANG)
30 -	Xế Xê	(XANG)	Xang Xang	(XỂ)
	Xế Xể	(- -)	Xế Xang	(HÒ)
	Tồn	(XANG)	Xang Xế	(XỂ)
	Xế Xể	(- -)	Xảng Xang	(HÒ)
Lớp Dứt : 31 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Oạn Liu	(- -)	Xế Xáng	(LIU)
	Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan	(XỀ)
32 -	Xề Oan	(LIU)	Liu Xề	(XÁNG)
	Liu Oan	(XÀNG)	Xàng Xề	(XÀNG)
	Tồn	(LIU)	Liu Oan	(XỀ)
	Xang Xư	(XANG)	Xê Xang	(XƯ)
33 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Lỉu Liu	(XỀ)
	Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Xế Xể	(- -)	Xế Xang Xư	(HÒ)
34 -	Tồn	(XANG)	Xang Xê	(- -)
	Xế Xang	(HÒ)	Xàng Xề	(LIU)
	Tồn	(LIU)	Liu Oan	(XỀ)
	Xề Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

(Nhạc sĩ Chín Tâm sưu tầm năm 1943 tại Mỏ Cày (Bến Tre).

5 - XUÂN TÌNH BÁT OÁN

(34 câu, nhịp 8, hơi Oán)

Lớp I : 1 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Cống Xê	(XANG)
	Tồn	(XANG)	Xế	(XỂ)
	Xang Xế	(- -)	Xế Xang Xư	(XÀNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

27 - Từ phu (nhân) hiểu ra mọi (chuyện)
Lòng nàng phấp (phới) đi trước trúc (tơ)
Kiệu nàng theo (sau) giáo gươm cờ (xí)
Từ Công (- -) đón trước cửa (thành)

28 - Lẩm liệt oai (nghi) dũng mãnh (- -)
Tươi vui nét (mặt) cá nước duyên (ưa)
Ước nguyền từ (đây) hai ta phỉ (tình)
Nàng có nhớ (- -) lời hẹn năm (xưa)

29 - (- -) (- -)
(- -) Hùng (anh)
Lại gặp má (hồng) rộn rả (- -)
Kiều phân thiệt (hơn) chút phận đào (tơ)

30 - Cát đằng gởi (thân) nhờ ơn che (chở)
Qua khỏi (- -) đắng cay cuộc (đời)
Tình đẹp duyên (ưa) chồng (vợ)
Dắt tay nhau (- -) trướng mai trở (về)

<u>Lớp Dứt</u> : 31 - (- -) (- -)
(- -) Tiếng nhạc (vang)
Khao binh (- -) đội ngũ ba (quân)
Hàng hàng tề (chỉnh) nghiêm bước quân (hành)

32 - Phú quí vinh (hoa) bỏ hồi cơ (cực)
Hưởng chữ ân (tình) (- -)
Đôi ta đẹp (duyên) càng (ngày)
Từ Công càng rạng (danh) triều đình lo (sợ)

33 - (- -) (- -)
(- -) Vua tôi họp (bàn)
Giả cách chiêu (an) nhờ Kiều bên trong (- -)
To nhỏ (- -) cố gắng giúp (lời)

34 - Oai danh bấy (lâu) gầy dựng (- -)
Nào biết ai trên (đầu) (- -)
Vì chữ (thương) Từ Công nào (dè)
Đành ôm mối (hận) xuống chốn tuyền (đài)

XUÂN TÌNH BÁT OÁN
Mẹ dạy con

Soạn lời : Chín Tâm

<u>Lớp I</u> : 1 - (- -) (- -)
(- -) Con (nên)
Giữ thảo (ngay) với mẹ (cha)
Đền đáp (- -) công ơn sanh (thành)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	2 -	Xế Xê	(XANG)	Tồn Xang Xế (XỂ)
		Xê Xang	(XƯ)	Xứ Xề (HO)
		Liu Xáng	(XỀ)	Xề Xảng Xang (HÒ)
		Lỉu Liu	(- -)	Xư Xề Xàng (LIU)
	3 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Xề Oan (LIU)
		Liu Liu	(- -)	Liu Oan (LIU)
			(- -)	Xang Xư (XÀNG)
	4 -	Liu Liu	(OAN)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Oan	(XỀ)	Xề Liu (OAN)
		Xề	(LIU)	Xang Xứ (XỀ)
		Xế Xê	(- -)	Xảng Xang (HÒ)
	5 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Oan	(LIU)	Xế Xang Xư (HÒ)
		Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan (XỀ)
	6 -	Xề Oan	(LIU)	Liu Xề (XÁNG)
		Liu Oan	(XÀNG)	Xàng Xề (XÀNG)
		Tồn	(LIU)	Liu Oan (XỀ)
		Xế Xáng	(XỀ)	Xể Xể Oan (LIU)
	7 -	Tồn	(LIU)	Oan Liu (- -)
		Lỉu Liu	(- -)	Xế Xáng Xư (HÒ)
		Xế Xê	(XANG)	Xang Xế (XỂ)
		Xê Xang	(XƯ)	Hò Xư Xảng (XANG)
	8 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Oan Liu	(- -)	Xế Xáng (LIU)
		Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan (XỀ)
	9 -	Xề Oan	(LIU)	Liu Xề (XÁNG)
		Liu Oan	(XÀNG)	Xàng Xề (XÀNG)
		Tồn	(XANG)	Xang Xế (XỂ)
		Xê Xang	(XƯ)	Hò Xư Xế (XANG)
	10 -	Tồn	(LIU)	Liu Oan (XÀNG)
		Xàng Xề	(- -)	Liu Tồn Xư (XANG)
		Xế Xê	(XANG)	Xang Xế (XỂ)
		Xế Xể	(- -)	Xể Xê Xang (XƯ)
Lớp II :	11 -		(- -)	Tồn (XANG)
		Xê Xang	(HÒ)	Tồn Xang (XỂ)
		Tồn	(HÒ)	Xang Xế (XỂ)
		Xê Xang	(HÒ)	Xể Xê Xang (XƯ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 - Chim (khôn) tìm cây (tốt)
Cùng nhau (đậu) (- -)
Lựa nơi trai (lành) trao thân (mình)
Vẹn nghĩa (- -) suốt cả (đời)

3 - (- -) (- -)
(- -) Thương (nhau)
(- -) Giữ thủy (chung)
(- -) Cùng nhau một (lòng)

4 - Ngày vu (qui) đường xa (- -)
Con theo (chồng) tròn nghĩa tào (khang)
Xa (xuôi) cách trở thế (nào)
Cũng đừng lo (- -) tạo hóa an (bài)

5 - (- -) (- -)
(- -) Mừng duyên (con)
Xứng lứa (đôi) (- -)
Hiệp cẩn giao (bôi) hạnh phúc gia (đình)

6 - Ngày (nay) đôi trẻ sánh (duyên)
Hòa hiệp sắc (cầm) (- -)
Phấn hoa điểm (tô) cho đôi vợ (chồng)
Đó là (ngày) vui mừng mẹ (cha)

7 - Con ra (đi) làm dâu (- -)
Xa quê (- -) chớ buồn (lòng)
Phải gượng (vui) tuy xa (cách)
Tam tòng là (phận) tứ đức gắng (ghi)

8 - (- -) (- -)
(- -) Nợ (duyên)
(- -) Cùng lo (chung)
Công việc ngoài (trong) hảnh diện họ (hàng)

9 - Ngày (mai) tưng bừng lễ (cưới)
Đám tiệc vui (vầy) (- -)
Đôi (bên) bà con quan (khách)
Đến tham (dự) hôn lễ của (con)

10 - Danh dự tông (môn) con giữ (tròn)
Là điều (- -) nội ngoại yên (tâm)
Khuyên (con) không nên quyến (luyến)
Chốn cũ (- -) mẹ cha anh (chị)

<u>Lớp II</u> : 11 - (- -) Lời thánh (nhân)
Xưa nói (rằng) lương duyên do túc (đế)
Giai ngẫu tự thiên (thành) con chớ (quên)
Mà (- -) thay lòng đổi (dạ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	12 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Là	(HÒ)
	Hò Là	(HÒ)	Xàng Xề	(- -)
	Hò	(- -)	Hò Xư Xế	(XANG)
	13 - Tồn	(XANG)	Xang Xể	(XẾ)
	Xê Xang	(XƯ)	Xảng Xang	(HÒ)
	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xế	(XỂ)
	Xế Xể	(- -)	Xảng Xang Xư	(XANG)
	14 - Là Là	(HÒ)	Là Là	(HỌ)
	Xàng Xề	(- -)	Hò Xư	(XANG)
	Xế Xê	(XANG)	Xế Xang	(XƯ)
	Xứ Xư	(HÒ)	Xế Xang Xư	(XÀNG)
	15 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xang Xế	(XỂ)	Xế Xê	(XANG)
	Xê Xể	(- -)	Xế Xang Xư	(HÒ)
	16 - Là Là	(HÒ)	Là Là	(HỌ)
	Xàng Xề	(- -)	Hò Xư	(XANG)
	Xế Xê	(XANG)	Xê Xang	(XƯ)
	Xứ Xử	(HÒ)	Xế Xể Xư	(XANG)
	17 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xang Xế	(XỂ)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xế	(- -)	Xế Xê Xang	(XƯ)
	18 - Xế Xê	(XANG)	Xê Xang	(XƯ)
	Xê Xư	(- -)	Xư Xề	(HO)
	Tồn	(XANG)	Xảng Xế	(- -)
	Xế Xang	(XƯ)	Xể Xề Oan	(LIU)
Lớp III :	19 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Liu	(- -)	Xế Xáng	(LIU)
	Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan	(XỀ)
	20 - Xề Oan	(LIU)	Liu Xề	(XÁNG)
	Liu Oan	(XÀNG)	Xàng Xề	(XÀNG)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XỀ)
	Hò Tồn	(XANG)	Xế Xê Xang	(XƯ)
	21 - Tồn	(XANG)	Xảng Xế	(- -)
	Xế Xang	(HÒ)	Xàng Xề	(HO)
	Tồn	(XANG)	Xang Xế	(XỂ)
	Xế Xể	(- -)	Xảng Xang Xư	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

12 - (- -) (- -)
(- -) Quê (người)
Con giữ (gìn) cha mẹ chồng (- -)
Một lòng (- -) cho tròn đạo dâu (con)

13 - Chèo (xuôi) theo dòng mát (mái)
Tùng phu trọn (đạo) (- -)
Xưa (kia) thiếu (quân)
Ngàn dặm (- -) theo chồng đẩy (xe)

14 - Gương xưa rất (nhiều) tiếng tốt để (đời)
Sau nầy (- -) lấy đó làm (gương)
Như anh Chương (Dương) không phai (lợt)
Ngưu y ngự (hàn) không thay đổi đá (vàng)

15 - (- -) (- -)
(- -) Câu tào (khang)
Hạ đàng bất (khả) hãy gắng (ghi)
Chớ nên (- -) phu phụ bất (hòa)

16 - Nối dõi tông (đường) không phai (lòng)
Trọn đời (- -) một dạ không (hai)
Đừng tính (toan) nhiều ảo (vọng)
Để bên (chồng) nhiều tiếng dèm (pha)

17 - (- -) (- -)
(- -) Cùng chung (lo)
Kẻ công người (của) có khó (chi)
Ngày sau (- -) an nhàn hưởng (lạc)

18 - Nay (con) vâng lời cha (mẹ)
Hai họ (- -) thông gia kết (tình)
Mừng cho (con) tơ duyên (- -)
Luôn bền (chặt) đến đầu bạc răng (long)

<u>Lớp III</u> :

19 - (- -) (- -)
(- -) Hèn (sang)
(- -) Khi buồn lúc (vui)
Trăm năm hạnh (phúc) phải giữ (gìn)

20 - Vợ (ngoan) chồng vinh (sang)
Mãn nguyện cuộc (đời) (- -)
Đừng ghen (tuông) chát não riêng (lòng)
Rồi sanh (ra) ưu tư sầu (muộn)

21 - Con đừng (nghe) lời gió mây (- -)
Làm thương tổn (lòng) (- -)
Thị phi nhỏ (to) chẳng để (ý)
Dễ xảy ra (- -) gây gổ không (yên)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	22 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xang Xế	(XỀ)	Xế Xể	(XANG)
	Xảng Xế	(- -)	Xế Xê Xang	(XƯ)
	23 - Xế Xê	(XANG)	Xang Xế	(XỀ)
	Xê Xang	(XƯ)	Tồn Xang Xư	(XANG)
	Tồn	(XANG)	Xang Xế	(XÊ)
	Xế Xể	(- -)	Xư Xảng Xang	(HÒ)
	24 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(OAN)
	Lỉu Liu	(- -)	Ú Liu	(OAN)
	25 - Liu Oan	(XỀ)	Oan	(LIU)
	Liu Xề	(- -)	Lỉu Liu	(OAN)
	Tồn	(LIU)	Liu Oan Xứ	(XỀ)
	Xế Xể	(- -)	Xàng Xề	(LIU)
Lớp IV :	26 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Lỉu Liu	(- -)	Xang Xư	(HÒ)
	Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan	(XỀ)
	27 - Xề Xáng	(LIU)	Liu Xề	(XÁNG)
	Liu Oan	(XÀNG)	Xàng Xàng	(XỀ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XỀ)
	Xang Xư	(XỀ)	Xể Xề Oan	(LIU)
	28 - Lỉu	(XỀ)	Oan Liu	(- -)
	Lỉu Liu	(- -)	Xế Xê Tồn	(HÒ)
	Xế Xê	(XANG)	Xang Xế	(XỀ)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xảng Xang Xư	(XANG)
	29 - Tồn	(XANG)	Xang Xế	(XỀ)
	Xê Xang	(XƯ)	Xảng Xang Xư	(XANG)
	Lỉu Liu	(XỀ)	Xề Oan	(LIU)
	Xế Xể	(- -)	Xế Xang Xư	(XANG)
	30 -	(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xang Xế	(XỀ)	Xế Xể	(XANG)
	Xảng Xế	(- -)	Xế Xê Xang	(XƯ)
	31 - Xế Xê	(XANG)	Xang Xế	(XỀ)
	Xê Xang	(XƯ)	Tồn Xang Xư	(XANG)
	Tồn	(XANG)	Xang Xế	(XỀ)
	Xế Xể	(- -)	Xư Xảng Xang	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

22 - (- -) (- -)
(- -) Nào (ai)
Nhường cơm giúp (của) chỉ giúp lời (khuyên)
Hay nhường đũa (- -) chớ nên để (dạ)

23 - Nết ghen (tuôn) xáo trộn êm (ấm)
Trong gia (đạo) (- -)
Làm (ra) dỡ dang điêu (đứng)
Tan nát (- -) gia cang thuận (hòa)

24 - (- -) (- -)
(- -) Chồng (con)
(- -) Kết nghĩa trăm (năm)
Dẫu đắng cay (- -) con cũng hy (sinh)

25 - Bến sông đỗ (thuyền) dầu đục (trong)
Cũng vui lòng (- -) an phận làm (dâu)
Nói (năng) hòa huởn dịu (dàng)
Đời thường khen (- -) hơn có hường (nhan)

<u>Lớp IV</u> :

26 - (- -) (- -)
(- -) Chìu ý lang (quân)
(- -) Trong ấm ngoài (êm)
Vợ khôn (ngoan) làm sang cho (chồng)

27 - Lời lẽ thông (minh) tỏ bày khéo (léo)
Thông cảm ý (tình) (- -)
Tiếng (thơm) bay khắp xóm (làng)
Gia đình (chồng) được thơm (lây)

28 - Cúng giỗ ông (bà) thu xếp (- -)
Khang trang (- -) sạch sẽ trong (ngoài)
Làm (dâu) theo đúng lễ (nghi)
Nhập gia tùy (tục) được tiếng hiền (ngoan)

29 - Con cũng (nên) tìm tòi chăm (chỉ)
Bên chồng em (chị) (- -)
Đừng gây phiền (hà) phận dâu (con)
Tình hiếu (- -) giữ tròn đôi (bên)

30 - (- -) (- -)
(- -) Một đôi (khi)
Lỗi lầm xảy (ra) cha mẹ chồng (thương)
Dạy bảo (- -) khuyên răn hơn (thiệt)

31 - Con chớ băn (khoăn) rồi sinh ra (- -)
Ưu phiền oán (hận) (- -)
Nỗi buồn (đau) nên dẹp (bỏ)
Cho gia cang (- -) êm đẹp trong (ngoài)

Digitized by www.namkyluctinh.org

<u>Lớp Dứt</u> : 32 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Oan	(LIU)	Xế Xáng	(LIU)
	Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan	(XỀ)
33 -	Xang Xư	(XỀ)	Xề Xàng	(XỀ)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Liu Xề	(XÁNG)	Liu Oan	(XỀ)
34 -	Xảng	(XÊ)	Xê Xang	(XƯ)
	Xang Xê	(XẢNG)	Hò Xư Xế	(XANG)
	Xế Xang Xư	(XỀ)	Xàng Xề	(LIU)
	Xế Xể	(- -)	Xư Xảng Xang	(HÒ)

(Nhạc sĩ Chín Tâm sưu tầm năm 1943 tại Mỏ Cày (Bến Tre).

Digitized by www.namkyluctinh.org

<u>Lớp Dứt</u> : 32 - (- -) (- -)
(- -) Con nên (theo)
(- -) Nề nếp gia (phong)
Tùng phu xuất (giá) vẹn đạo tam (tùng)
33 - (- -) (- -)
(- -) Ai khen (chi)
Kẻ vong (phu) lòng dạ đổi (thay)
Yểm cựu nghinh (tân) thấy trăng quên (đèn)
34 - Ngày (nay) thiên duyên tiền (định)
Con vâng lời (- -) kết (hôn)
Cha mẹ vui (mừng) khuyên bảo (con)
Ngày lễ (- -) xuất giá vu (qui)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Phần Phụ Lục

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Hạ Liên Châu

1.-NGŨ ĐỐI HA
Tôn Tẫn, Bàng Quyên tầm sư học đạo

Soạn lời : Thái Thụy Phong

1 - (- -) Thấy (cha)
Thất cơ binh (- -) về thở (than)
2 - Chàng Tôn (Tẫn) đau gan (vàng)
Quyết chí lên (non) tầm đạo (tiên)
3 - Học phép (mầu) cao siêu (- -)
Đặng (sau) khuông phò Yên (Vương)
4 - Vội (vàng) xin phép mẹ (cha)
Lên non Vân (Mộng) tìm thầy học (đạo)
5 - Mừng (thầm) lòng thành của (con)
Tuổi (thơ) lại có chí (cao)
6 - Tôn Tháo (y) lời đã (xin)
Nhưng sợ (e) cho nàng Yên (Đơn)
7 - Xa cách (con) không đành (- -)
Nhưng cũng (vào) khuyên lơn mọi (lẽ)
8 - Tình (thương) mẫu tử mặn (nồng)
Phải (liều) nén dạ mà (đi)
9 - Bịn (rịn) làm chi (- -)
Cho tủi (khổ) ngày biệt (ly)
10 - Lìa (nhà) Tôn Tẫn thẳng (xông)
Trải bao sông (núi) bất chấp gian (nan)
11 - Cơ (trời) nhiệm mầu định (phân)
Chàng (gặp) Bàng Quyên kết (bạn)
12 - Cùng (nhau) nối dây thâm (tình)
Cứu giúp (nhau) lúc hiểm (nguy)
13 - Chữ tử (sanh) giữ đồng (- -)
Nặng tiếng (thề) nơi Châu Tiên (Trấn)
14 - Chàng (Tôn) Tẫn xin tuyên (thệ)
Nếu tôi (- -) sanh lòng gian (tà)
15 - Không trọn (tình) giao bái (- -)
Đầu (thai) súc sanh trọn (đời)
16 - Bàng (Quyên) cũng xin đoan (thệ)
Nếu (tôi) sanh lòng không (lành)
17 - Bảy nước (cùng) phân thây (- -)
Bỏ mình (- -) nơi đất Mã (Lăng)
18 - Thề (thốt) giao ước xong (xuôi)
Cất (gánh) xa Châu (Tiên)
19 - Tôn, (Bàng) lên non xuống (núi)
Trèo (đèo) vượt suối sá (chi)
20 - Tìm (đến) Quỉ Cốc Tiên (Ông)
Ở tu (tại) động Thủy (Liêm)
21 - Trên (Vân) Mộng sơn (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Vào cúi (lạy) nhờ tiên (ông)
22 - Ngài bằng (lòng) thâu nhận chàng (Tôn)
Ở tu luyện (đạo) cho rành tiên (thuật)
23 - Còn (Bàng) Quyên ngài chẳng (thâu)
Vì tướng (xem) thật là đứa (gian)
24 - Xua đuổi (Quyên) ra về thế (gian)
Tôn (Tẫn) xin ngài thứ (dung)
25 - Đệ tử (trăm) lạy thầy (- -)
Hai (con) tình thâm (giao)
26 - Cùng (nhau) trước kia thệ (nguyện)
Đồng (lòng) tìm thầy học (chung)
27 - Bây giờ con (không) nở bỏ (- -)
Bàng (Quyên) đi không trở (về)
28 - Thì con ở (sao) cho yên (dạ)
Cúi (mong) xin thầy rộng (tình)
29 - Mà thâu (nhận) Bàng Quyên (- -)
Nói rồi (liền) phủ phục tiên (ông)
30 - Ngài thấy Tôn (Tẫn) có nghĩa (nhân)
Mới chịu (- -) thâu nhận Bàng (Quyên)
31 - Khuyên dạy (rằng) hai con (- -)
Phải nghe (- -) thầy giải (phân)
32 - Từ (đây) phải vâng lịnh (thầy)
Hể Tôn (Tẫn) đi gánh củi (khô)
33 - Bàng Quyên phải ở (động) với thầy (- -)
Và cứ luân (phiên) với nhau (hoài)
34 - Từ (ấy) Tôn Tẫn an (tâm)
Ở (Động) Thủy Liêm học (hành)
35 - Ngày (ngày) tập tành binh (thơ)
Quyết (- -) cùng nhau đua (tài)
36 - Bàng (Quyên) xảo ngôn gian (hùng)
Tôn Tẫn (ngày) càng mắc kế (mưu)
37 - Kém sức (tài) Bàng Quyên (- -)
(Nhưng) vô tình không (hay)
38 - Lòng chơn (thật) ngờ đâu (- -)
Kế gian (tà) của bạn tương (tri)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2.-LONG ĐĂNG
Bàng Quyên xuống núi

Soạn lời : Thái Thụy Phong

1 - Bàng (Quyên) hiểm sâu thâm (độc)
Mỗi phen (- -) được thầy chỉ (truyền)
2 - Đều giấu (người) bạn thân (- -)
Mà (chàng) Tôn Tẫn dạ (ngay)
3 - Lòng (tốt) hể có binh (thơ)
Vội (trao) Bàng Quyên (xem)
4 - Vì nghĩa (tình) thâm giao (- -)
Chớ rõ (đâu) dạ người hiểm (sâu)
5 - Thời (gian) trôi qua mau (lẹ)
Hạ (lên) sắc xuân đã (tàn)
6 - So phép (Bàng) Quyên hơn (- -)
Mừng (thầm) toan xuống thế (gian)
7 - Cùng (Tẫn) thưa với tiên (ông)
Chúng (con) xin hạ (san)
8 - (- -) Tiên (ông)
Vội vả (- -) giải thích phân (minh)
9 - Bàng (Quyên) rõ thông trận (đồ)
Mới có (thể) ra giúp nước (non)
10 - Chớ Tôn Tẫn (tài) thiểu sơ (- -)
Xuống (núi) làm chi (nên)
11 - Ráng theo (thầy) học thêm cho (nhiều)
Mai (sau) con về phò (vua)
12 - (- -) Tôn Tẫn (thưa)
Sư phụ (- -) hãy xét (soi)
13 - Ngày (xưa) chúng con thề (nguyền)
Hể xuống (non) cùng đồng xuống (chung)
14 - Cho trọn (tình) thâm giao (- -)
Cúi (xin) thầy rộng (tâm)
15 - Từ khi xa (cách) mẹ cha (- -)
Ba (năm) trường bặt (tăm)
16 - Sợ lo mẫu (từ) trông mong (- -)
Chẳng biết (con) gặp điều rủi (may)
17 - Ngồi (nghe) giải phân minh (bạch)
Tiên (ông) động lòng (- -)
18 - Nhận (lời) chàng Tôn (- -)
Cho (phép) hai người hạ (san)
19 - Tình (riêng) thương người thật (tâm)
Chưa (rành) nghệ thuật cao (siêu)

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 - Tiên ông (dụng) phép mầu (- -)
Hóa hai (người) mài kim đục (núi)
21 - (- -) Chàng (Tôn)
Hỏi (thăm) bỗng giựt (mình)
22 - Đêm qua thầy (vừa) khuyên nhủ (- -)
Chàng (liền) ăn năn tỉnh (hối)
23 - Tài (ta) thiểu sơ vô (dụng)
Sao vội (toan) lìa non (- -)
24 - Liền viết thơ (gởi)Bàng Quyên (- -)
Xuống nước (Yên) thưa hộ với thung (huyên)
25 - Rằng đến (ít) năm sau (- -)
Sẽ về (- -) khi được thành (thân)
26 - Thôi anh (cứ) lên đường (- -)
Bàng (Quyên) giả từ thẳng (xông)
27 - Tôn Tẫn lên (non) cùng tiên (ông)
Quyết (lòng) rán học (thêm)
28 - Không kể (điều) khó khăn (- -)
Quỉ Cốc tiên (sanh) dạ rất (vui)
29 - Từ (đây) Tẫn kiên gan (dạ)
Cố (tâm) phép mầu luyện (hoài)
30 - Quỉ Cốc (truyền) thiên thơ (- -)
Rồi (ngài) đặt hiệu là Bá (Linh)
31 - Tôn (Tẫn) sung sướng biết (bao)
Cứ (xem) luôn luôn thiên (thơ)
32 - (- -) Bữa (kia)
Quỉ Cốc (- -) bảo Bá (Linh)
33 - Thầy (giao) con giữ vườn (đào)
Chớ (để) cho kẻ cắp (ăn)
34 - Tẫn vâng (lời) tôn sư (- -)
Nhưng hai (đêm) đào cứ mất (luôn)
35 - Tẩn giận kẻ (gian) nên quyết (rình)
Quả (nhiên) chàng bắt đặng (ngay)
36 - (- -) Bạch (Viên)
Khóc (- -) kể thảm (thương)
37 - Thầy (ôi) ! cúi xin rộng (tình)
Chẳng phải (tôi) người tham (lam)
38 - Vì mẹ ở (nhà) đang đau (- -)
Lại (thèm) đào lạ (chua)
39 - Vì thương mẹ (phải) liều thân (- -)
Trộm (đào) về cho mẹ (ăn)
40 - Cầu may (nhờ) bịnh thuyên (- -)
Cúi xin (thầy) rộng lượng thứ (dung)

Digitized by www.namkyluctinh.org

3.-TIỂU KHÚC

Bàng Quyên chặt chơn Tôn Tẫn

Soạn Lời : Thái Thụy Phong

1 - Nhờ tha (thứ) cho vượn (bạch)
Tôn Tẫn (được) đền bộ thiên (thơ)
2 - (- -) Vội vả về (ngay)
Đóng cửa (- -) xem cho thỏa (lòng)
3 - (- -) Nhưng bỗng (nhiên)
Sấm nổ (- -) vang rền bốn (phương)
4 - Thầy (hay) đánh tay rõ (chuyện)
Bước (vào) kêu Tôn Tẫn (bảo)
5 - Rày (con) sắp vương đại (nạn)
Vì thiên thơ của (đấng) Huyền Công (- -)
6 - Chưa đến lúc số (con) được xem (- -)
Trời định phân (rồi) biết tính (sao)
7 - Tôn Tẫn (sợ) kinh tâm (- -)
Sụp lạy (thầy) xin giải nguy đệ (tử)
8 - Nào (con) biết đâu tai (nạn)
Bạch (Viên) cho thì xem (liền)
9 - Đâu biết (rằng) lâm nguy (- -)
Thầy (rộng) thứ dùm (con)
10 - Nầy (con) nghe lời tôn (sư)
(Mựa) đừng có lảng (xao)
11 - Ngoài (sau) núi ta có (huyệt)
Con hãy (chun) vô nằm (- -)
12 - Day chơn (về) hướng bắc (- -)
(Trong) bốn mươi chín (ngày)
13 - Thì (con) thoát khỏi nạn (tai)
Tuân (lời) con khá đi (ngay)
14 - Tôn Tẫn (sợ) hãi hùng (- -)
Riu (ríu) theo ra phần (mộ)
15 - Tiên (ông) ếm xong mộ (huyệt)
Rồi trở (vào) động phủ tỉnh (tâm)
16 - Yên trí (rằng) Tôn Tẫn (- -)
(Sẽ) thoát qua tai (nàn)
17 - Ngờ (đâu) cơ trời định (phân)
Sau (chàng) cũng thọ (nguy)
18 - Vì tại (gã) họ Bàng (- -)
(Tâu) vua Ngụy sai (người)
19 - Lên Vân (Mộng) rước về (- -)
Đặng chống (vững) cơ đồ (- -)
20 - Sứ (lên) non tiên ba (bận)
Đến (nơi) triệu người anh (hùng)
21 - Tôn Tẫn (đành) hạ san (- -)
Lầm kế (độc) của Bàng (Quyên)

Digitized by www.namkyluctinh.org

22 - Vì (thua) kém tài họ (Tôn)
Chàng (mới) sanh oán thù (sâu)
23 - Ngày (đêm) tính mưu kế (độc)
Mong giết (anh) bạn hiền (- -)
24 - Quên cả (lời) giao ước (- -)
Dèm (tâu) vua Ngụy lắm (lời)
25 - Rằng (Tôn) Tẫn là kẻ (gian)
Mưu (làm) phản trào (trung)
26 - Vua Ngụy (nghe) nịnh thần (- -)
Bắt Bá (Linh) đem ra hành (tội)
27 - Bàng (Quyên) chặt chơn bạn (hiền)
Lòng (người) nham hiểm gớm (ghê)
28 - Ghét ghen (người) tài trí (- -)
Sau chết (y) theo lời (thề)
29 - Xuân (Thu) ba bài Liên (Châu)
Nêu (gương) cho kẻ hậu (sanh).

Tài liệu tham khảo :

- CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN (bản đánh máy) của Võ Tấn Hưng.
- CA NHẠC CỔ ĐIỂN BẠC LIÊU của Trịnh Thiên Tư.
- Tập nhạc viết tay của cố Nhạc sĩ Giáo Thinh và Tư Nghi.

Digitized by www.namkyluctinh.org

MỤC LỤC – TẬP 5

Tên bài **Tựa** **Trang**

Phần chánh biên

VIII. Các bản Ai Oán:

1 . TrườngTương Tư ..... *Phu Phụ Ly Sầu* 414
2 . Văn Thiên Tường ..... *Bá Lý Hề* 416
3 . Võ Tắc Biệt ..... *Anh Hùng Nguyễn Trung Trực* 424
4 . Võ Tắc Biệt ..... *Mẹ* 430
5 . Xuân Nữ ..... *Oan Án Lệ Chi Viên* 434
6 . Khổng Tử Khóc Nhan Hồi ..... *Khấp Phục Thánh Nhan Tử* 438
7 . Chinh Phụ Ly Tình ..... *Chinh Phụ Thán* 440

IX. Các bản có nhiều Hơi Điệu:

1 . Liêu Giang ..... *Chinh Phụ Thán* 442
2 . Ngũ Quan ..... *Con Tế Mẹ* 444
3 . Dạ Cổ Hoài Lang ..... *Dạ Cổ Hoài Lang* 444
4 . Tứ Bửu Liêu Thành ..... *Tiếng Quê Hương* 446
5 . Ngũ Châu Minh Phổ ..... *Thú Cầm Ca* 450
6 . Nam Âm Ngũ Khúc ..... *Nguyễn Trãi Bình Ngô* 454
7 . Ngũ Cung Luân Hoán ..... *Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trãi* 458
8 . Khúc Hận Nam Quan ..... *Khúc Hận Nam Quan* 460
9 . Ngũ Khúc Long Phi ..... *Xuân Lịch Sử* 466

X. Tam Bắc nhị Oán:

1 . Hội Huê Đăng ..... *Cảnh Xuân* 468
2 . Lục Luật Tiêu Hà ..... *Từ Hải Sa Cơ* 472
3 . Bắc Ngự ..... *Bá Nha Tử Kỳ* 476
4 . Quả Phụ Hàm Oan ..... *Thân Phận Thúy Kiều* 480
5 . Xuân Tình Bát Oán ..... *Mẹ Dạy Con* 486

Phần Phụ Lục

1 . Ngũ Đối Hạ ..... *Tôn Tẫn Bàng Quyên Tầm Sư Học Đạo* 499
2 . Long Đăng ..... *Bàng Quyên Xhống Núi* 501
3 . Tiểu Khúc ..... *Bàng Quyên Chặt Chơn Tôn Tẫn* 503

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

MỤC LỤC

TẬP 1-5

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Lời nói đầu		1	1
Lược khảo		5	1

Phần chánh biên

I. Các bản Lý:

1 .	Lý Vọng Phu	*Vọng Phu*	16	1
2 .	Lý Giao Duyên	*Trông Chồng*	18	1
3 .	Lý Ngựa Ô Bắc	*Bùi Kiệm Trêu Nguyệt Nga*	18	1
4 .	Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	18	1
5 .	Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	20	1
6 .	Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	20	1
7 .	Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	22	1
8 .	Lý Phước Kiến	*Từ Thị Quốc Thái*	22	1

II. Các bản gốc miền Trung:

1 .	Lưu Thủy Đoản	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	24	1
2 .	Bình Bán Vắn	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	24	1
3 .	Kim Tiền Huế	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	26	1
4 .	Hành Vân	*Nợ Cái Duyên Gì*	28	1
5 .	Tứ Đại Cảnh	*Nhị Thập Tứ Hiếu*	28	1

III. Các bản Bắc:

A – Thập bát thủ:

1 .	Thủ Lưu Thủy Tẩu Mã	*Đội Gạo Nuôi Cha Mẹ*	32	1
2 .	Thủ Phú Lục Tẩu Mã	*Kiếm Sữa Hươu Nuôi Cha Mẹ*	32	1
3 .	Thủ Bình Bán Tẩu Mã	*Đùa Để Vui Cha Mẹ*	34	1
4 .	Thủ Cổ Bản Tẩu Mã	*Khóc Tre Nẩy Măng*	34	1
5 .	Thủ Xuân Tình Tẩu Mã	*Bán Mình Chôn Cha*	36	1
6 .	Thủ Tây Thi Tẩu Mã	*Hái Dâu Nuôi Mẹ*	38	1
7 .	Thủ Lưu Thủy Vắn	*Cho Mẹ Chồng Bú*	40	1
8 .	Thủ Phú Lục Vắn	*Quạt Nồng Ấp Lạnh*	42	1
9 .	Thủ Bình Bán Vắn	*Nghe Tiếng Sấm Khóc Mồ Mẹ*	44	1
10 .	Thủ Cổ Bản Vắn	*Bỏ Quan Chức Đi Tìm Mẹ*	46	1
11 .	Thủ Xuân Tình Vắn	*Giữ Hổ Cứu Cha*	50	1
12 .	Thủ Tây Thi Vắn	*Nằm Trên Băng Tìm Cá Chép*	52	1
13 .	Thủ Lưu Thủy Trường	*Lòng Hiếu Cảm Động Đến Trời*	54	1
14 .	Thủ Phú Lục Chấn	*Cắn Tay Mẹ Đau Lòng Con*	58	1
15 .	Thủ Bình Bán Chấn	*Hưng Đạo Đại Vương*	62	1
16 .	Thủ Cổ Bản Trường	*Ông Trương Công Định*	66	1
17 .	Thủ Xuân Tình Chấn	*Anh Hùng Lý Thường Kiệt*	74	1
18 .	Thủ Tây Thi Trường	*Bình Định Vương Lê Lợi*	78	1

Phần Phụ Lục

1 .	Kim Tiền Huế	*Xuân Nghĩa Tình*	89	1

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
2. Cửu Khúc Giang Nam	*Mộ Chiến Sĩ Vô Danh*	89	1
3. Liêu Giang	*Mẹ*	91	1
4. Tiểu Khúc	*Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trung Trực*	91	1
Bài Khảo Cứu	*Đờn Kìm Và Dịch Học Đông Phương*	94	1

Phần chánh biên

B – Thập bát vĩ:

1. Lưu Thủy Tẩu Mã	*Vân Tiên Cứu Nguyệt Nga*	100	2
2. Phú Lục Tẩu Mã	*Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên*	100	2
3. Bình Bán Tẩu Mã	*Vân Tiên Kết Bạn Hớn Minh*	102	2
4. Cổ Bản Tẩu Mã	*Vân Tiên Kết Bạn Tử Trực*	102	2
5. Xuân Tình Tẩu Mã	*Ông Quán*	104	2
6. Tây Thi Tẩu Mã	*Ông Quán*	106	2
7. Lưu Thủy Vắn	*Kiều Du Thanh Minh*	108	2
8. Phú Lục Vắn	*Tiền Sử Việt Nam*	110	2
9. Bình Bán Vắn	*Tích Đầm Nhứt Dạ*	110	2
10. Cổ Bản Vắn	*Ngư Ông*	114	2
11. Xuân Tình Vắn	*Bốn Vị Anh Hùng Chống Pháp*	116	2
12. Tây Thi Vắn	*Trọng Thủy Mỵ Châu*	120	2
13. Lưu Thủy Trường	*Bá Nha Tử Kỳ*	122	2
14. Phú Lục Chấn	*Bá Nha Tử Kỳ (tiếp theo)*	126	2
15. Bình Bán Chấn	*Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên*	130	2
16. Cổ Bản Trường	*Tình Nghĩa Vợ Chồng*	134	2
17. Xuân Tình Chấn	*Kiều Vãng Trọng Hiền*	140	2
18. Tây Thi Trường	*Lễ Nhạc Giáo Hóa Dân Tâm*	146	2

C – 6 bản Bắc Tẩu Mã cải biên:

1. Lưu Thủy Tẩu Mã	*Đường Quê*	152	2
2. Phú Lục Tẩu Mã	*Đường Quê*	152	2
3. Bình Bán Tẩu Mã	*Đường Quê*	154	2
4. Xuân Tình Tẩu Mã	*Đường Quê*	154	2
5. Tây Thi Tẩu Mã	*Đường Quê*	156	2
6. Cổ Bản Tẩu Mã	*Đường Quê*	158	2

D – Bộ Ngũ Châu:

1. Kim Tiền Bản	*Giống Rồng Tiên*	160	2
2. Ngự Giá	*Từ Hải Lầm Mưu*	162	2
3. Hồ Lan	*Thúy Kiều Lầm Mưu*	164	2
4. Vạn Liên	*Dùng Mẹo Trị Côn Đồ*	164	2
5. Song Phi Hồ Điệp	*Vọng Chinh Phu*	166	2

E – Bộ Tứ Bửu:

1. Minh Hoàng Thưởng Nguyệt	*Khúc Nghê Thường*	168	2
2. Ngự Giá Đăng Lâu	*Tửu, Nhạc Đăng Lâu*	170	2
3. Phò Mã Giao Duyên	*Đêm Vu Quy*	172	2
4. Ái Tử Kê	*Thương Bầy Gà Con*	174	2

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Phần Phụ Lục			
1. Tứ Đại Oán	*Bùi Kiệm, Bùi Ông, Nguyệt Nga*	181	2
2. Bình Bán Vắn	*Bùi Kiệm Thi Rớt*	185	2
3. Hành Vân	*Hội Ca Cầm*	185	2
4. Tây Thi Vắn	*Tài Sắc Tây Thi*	186	2
5. Cổ Bản Vắn	*Trang Tử Thử Vợ*	187	2
Bài Khảo Cứu	*Từ Tứ Đại Cảnh Đến Tứ Đại Oán*	190	2
Phần chánh biên			
F – Bộ Thập Thủ Liên Hườn:			
1. Phẩm Tuyết	*Thú Cầm*	194	3
2. Nguyên Tiêu	*Thú Kỳ*	196	3
3. Hồ Quảng	*Thú Thi*	198	3
4. Liên Hườn	*Thú Họa*	198	3
5. Bình Nguyên	*Thú Rượu*	200	3
6. Tây Mai	*Thú Trà*	204	3
7. Kim Tiền	*Thú Bè Bạn*	204	3
8. Xuân Phong	*Thú Yêu Đương*	206	3
9. Long Hổ	*Thú Đợi Chờ*	206	3
10. Tẩu Mã	*Thú Cô Đơn*	208	3
G – Cửu Nhĩ:			
11. Hội Ngươn Tiêu	*Thúy Kiều Hoa Viên Ngộ*	211	3
12. Bát Bản Chấn	*Thúy Kiều Tống Trọng Qui Tang*	212	3
IV. Các bài Nhạc Lễ:			
1. Xàng Xê	*Thúy Kiều Vịnh Tích*	220	3
2. Ngũ Đối Thượng	*Kiều Du Thanh Minh*	226	3
3. Ngũ Đối Hạ	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	234	3
4. Long Đăng	*Kiều Vãng Trọng Hiên*	238	3
5. Long Ngâm	*Tống Trọng Qui Tang*	242	3
6. Vạn Giá	*Biệt Mãi Thanh Lâu*	244	3
7. Tiểu Khúc	*Dữ Thúc Thành Hôn*	250	3
8. Ngũ Đối Ai	*Công Ơn Cha Mẹ*	252	3
9. Chiết Tứ Vĩ	*Kinh Kha Náo Tần Đình*	256	3
V. Các bản Nam:			
1. Nam Xuân	*Tích Thúy Kiều*	260	3
2. Nam Ai	*Tích Thúy Kiều (tiếp theo)*	268	3
3. Đảo Ngũ Cung	*Tích Thúy Kiều (tiếp theo)*	278	3
Phần Phụ Lục			
1. Đảo Ngũ Cung	*Gương Mê Sắc*	291	3
2. Bài Khảo Cứu	*Đờn Tỳ Bà Với Nhạc Tài Tử*	295	3

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập

Phần chánh biên

VI. Các bản Oán:

1. Tứ Đại Vắn ..... *Thúy Kiều Tự Trầm* 300 4
2. Tứ Đại Oán ..... *Bá Lý Hề* 303 4
3. Phụng Hoàng Cầu ..... *Bỉ Vận Kiều Nương* 310 4
4. Giang Nam Cửu Khúc ..... *Kim Kiều Hoa Viên Ngộ* 320 4
5. Phụng Cầu Hoàng Duyên ..... *Tư Mã Tương Như* 332 4
6. Ngươn Tiêu Hội Oán ..... *Đoạn Trường Tân Thanh* 340 4
7. Võ Văn Hội Oán ..... *Khí Tiết Thủ Khoa Huân* 346 4
8. Bình Sa Lạc Nhạn ..... *Khúc Đoạn Trường* 352 4
9. Thanh Dạ Đề Quyên ..... *Chinh Phụ Thán Ca* 360 4

VII. Tám bản Ngự:

1. Đường Thái Tôn ..... *Cảnh Xuân* 368 4
2. Vọng Phu ..... *Xuân Nhựt Hoài Cố Nhân* 370 4
3. Chiêu Quân ..... *Cảm Xuân Chúc Cẩm Hồi Văn* 372 4
4. Ái Tử Kê ..... *Thương Bầy Gà Con* 374 4
5. Bát Man Tấn Cống ..... *Lạc Xuân* 374 4
6. Tương Tư ..... *Nguyệt Nga Ký Ngụ Lão Bà* 380 4
7. Duyên Kỳ Ngộ ..... *Nguyệt Nga Từ Biệt Kim Liên* 384 4
8. Quả Phụ Hàm Oan ..... *Thuyền Quyên Bạc Phận* 388 4

Phần Phụ Lục

1. Ba Bản Nam ..... *Tô Huệ Chức Cẩm Hồi Văn* 395 4
2. Xàng Xê ..... *Kho Vàng Sầm Sơn* 404 4

Bài Khảo Cứu ..... *Giỗ Tổ Nhạc Lễ* 407 4

Phần chánh biên

VIII. Các bản Ai Oán:

1. TrườngTương Tư ..... *Phu Phụ Ly Sầu* 414 5
2. Văn Thiên Tường ..... *Bá Lý Hề* 416 5
3. Võ Tắc Biệt ..... *Anh Hùng Nguyễn Trung Trực* 424 5
4. Võ Tắc Biệt ..... *Mẹ* 430 5
5. Xuân Nữ ..... *Oan Án Lệ Chi Viên* 434 5
6. Khổng Tử Khóc Nhan Hồi ..... *Khấp Phục Thánh Nhan Tử* 438 5
7. Chinh Phụ Ly Tình ..... *Chinh Phụ Thán* 440 5

IX. Các bản có nhiều Hơi Điệu:

1. Liêu Giang ..... *Chinh Phụ Thán* 442 5
2. Ngũ Quan ..... *Con Tế Mẹ* 444 5
3. Dạ Cổ Hoài Lang ..... *Dạ Cổ Hoài Lang* 444 5
4. Tứ Bửu Liêu Thành ..... *Tiếng Quê Hương* 446 5
5. Ngũ Châu Minh Phổ ..... *Thú Cầm Ca* 450 5
6. Nam Âm Ngũ Khúc ..... *Nguyễn Trãi Bình Ngô* 454 5

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
7 . Ngũ Cung Luân Hoán	*Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trãi*	458	5
8 . Khúc Hận Nam Quan	*Khúc Hận Nam Quan*	460	5
9 . Ngũ Khúc Long Phi	*Xuân Lịch Sử*	466	5
X. Tam Bắc nhị Oán:			
1 . Hội Huê Đăng	*Cảnh Xuân*	468	5
2 . Lục Luật Tiêu Hà	*Từ Hải Sa Cơ*	472	5
3 . Bắc Ngự	*Bá Nha Tử Kỳ*	476	5
4 . Quả Phụ Hàm Oan	*Thân Phận Thúy Kiều*	480	5
5 . Xuân Tình Bát Oán	*Mẹ Dạy Con*	486	5
Phần Phụ Lục			
1 . Ngũ Đối Hạ	*Tôn Tẫn Bàng Quyên Tầm Sư Học Đạo*	499	5
2 . Long Đăng	*Bàng Quyên Xhống Núi*	501	5
3 . Tiểu Khúc	*Bàng Quyên Chặt Chơn Tôn Tẫn*	503	5

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org